

PHỤ LỤC 3

XÁC NHẬN ĐIỀU KIỆN THỰC TẾ CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO

(Kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐH GTVT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2022




XÁC NHẬN ĐIỀU KIỆN THỰC TẾ CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO



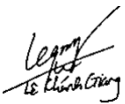
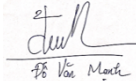
Ngành dự kiến mở: Quản lý đô thị và công trình Mã ngành 7.58.01.06

Trình độ đào tạo: Cử nhân và Kỹ sư

1. Về giảng viên

Mẫu 1: Danh sách giảng viên, nhà khoa học, bao gồm: giảng viên cơ hữu, giảng viên ký hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian với cơ sở đào tạo, giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo của ngành đào tạo dự kiến mở của cơ sở đào tạo

STT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND hoặc CCCD hoặc hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố; Cấp		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	Nguyễn Trọng Hiệp 30/07/1980	036080003034 Việt Nam		Tiến sĩ Nhật Bản 2014	Quy hoạch và Quản lý đô thị	01/04/2009		0107012631	18		2	
2	Bùi Ngọc Toàn 04/09/1968		PGS 2009	Tiến sĩ LB Nga 1998	Quản lý xây dựng	01/12/2000			21	1	5	
3	Hồ Anh Cường 23/05/1977	001077009642 Việt Nam	PGS 2018	Tiến sĩ CH Pháp 2011	Kỹ thuật Xây dựng	2003		0106030674	16	5	2	

STT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND hoặc CCCD hoặc hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố; Cấp		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
4	Nguyễn Hoàng Tùng 29/01/1983		PGS 2021	Tiến sĩ Nhật Bản 2014	Khoa học và kỹ thuật	07/2007			14	1	3	
5	Hoàng Thị Thanh Nhân 20/11/1983	013665766 Việt Nam		Tiến sĩ CH Pháp 2011	Địa kỹ thuật	01/04/2016		0114150885	5		3	
6	Lê Khánh Giang 29/08/1982	001082026110 Việt Nam		Tiến sĩ Đài Loan 2020	Kỹ thuật xây dựng, Kỹ thuật tài nguyên nước và quy hoạch cơ sở hạ tầng		Hợp đồng dài hạn (2008)	0111126020	Giảng dạy ĐH và NCKH (14 năm)	Tham gia 02 đề tài	Tham gia 03 đề tài	
7	Đỗ Văn Mạnh 05/10/1987	00112300469		Tiến sĩ Đài Loan 2020	Tiến sĩ Kỹ thuật xây dựng dân dụng, kỹ thuật thủy lợi và Quy hoạch cơ sở hạ tầng	Tuyển dụng, làm việc toàn thời gian 02/05/2012	Hợp đồng không thời hạn	0113033111	9	0	5	

Ghi chú: Lý lịch khoa học của giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo; giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy của ngành đào tạo dự kiến mở được đính kèm.

Mẫu 2: Danh sách giảng viên, nhà khoa học tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo của ngành đào tạo dự kiến mở của cơ sở đào tạo

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	Nguyễn Huy Hoàng	Đại số tuyến tính	Học kỳ 1, năm thứ 1	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
	Bùi Việt Hương		Học kỳ 1, năm thứ 1	X			GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy	
	Nguyễn Huy Hoàng	Thống kê và xử lý dữ liệu	Học kỳ 2, năm thứ 1	X			GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy	
	Bùi Việt Hương		Học kỳ 2, năm thứ 1	X			GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy	
2	Mai Nam Phong	Giải tích	Học kỳ 1, năm thứ 1	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
	Nguyễn Thế Vinh		Học kỳ 1, năm thứ 1	X			GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy	
3	Ngô Đức Chinh	Vẽ kỹ thuật	Học kỳ 2, năm thứ 1	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
	Bùi Văn Phú		Học kỳ 2, năm thứ 1	X			GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy	
4	Vũ Thanh Hiền	a - Tiếng Anh B1	Học kỳ 4, năm thứ 2			X		GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
	Phạm Thị Bích Hạnh		Học kỳ 4, năm thứ 2			X		GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
5	Lê Nguyễn Thanh Hương	b - Tiếng Pháp B1	Học kỳ 4, năm thứ 2			X		GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
	Nguyễn Diệu Thúy		Học kỳ 4, năm thứ 2			X		GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
	Trần Thị Chanh	c - Tiếng Nga B1	Học kỳ 4, năm thứ 2			X		GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
	Nguyễn Phương Lan		Học kỳ 4, năm thứ 2			X		GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
6	Nguyễn Trung Thành	Triết học Mác - Lênin	Học kỳ 2, năm thứ 1	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
	Phạm Thị Xuân		Học kỳ 2, năm thứ 1	X			GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy	
	Nguyễn Sỹ Trung	Kinh tế chính trị Mác Lênin	Học kỳ 3, năm thứ 2	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
	Bùi Thị Vân		Học kỳ 3, năm thứ 2	X			GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy	
	Phạm Thị Xuân	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Học kỳ 3, năm thứ 2	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
	Đặng Xuân Ngọc		Học kỳ 3, năm thứ 2	X			GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy	

7	Lã Quý Đô	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học kỳ 4, năm thứ 2	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
	Nguyễn Thị Thu Hoa		Học kỳ 4, năm thứ 2	X			GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy	
8	Nguyễn Thế Tấn	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	Học kỳ 5, năm thứ 3	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
	Lê Thị Hòa		Học kỳ 5, năm thứ 3	X			GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy	
9	Vũ Xuân Vịnh	Giáo dục QP-AN F1	Học kỳ 1, năm thứ 1	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
	Nguyễn Văn Điệp		Học kỳ 1, năm thứ 1	X			GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy	
	Nguyễn Văn Thịnh		Học kỳ 1, năm thứ 1	X			GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy	
	Nguyễn Ích Hải	Giáo dục QP-AN F4	Học kỳ 1, năm thứ 1	X			GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy	
	Lê Đức Thắng		Học kỳ 1, năm thứ 1	X			GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy	
10	Nguyễn Viết Tiến	Giáo dục QP-AN F2	Học kỳ 1, năm thứ 1	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
	Trần Văn Tuyên		Học kỳ 1, năm thứ 1	X			GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy	
	Nguyễn Quang Chiến		Học kỳ 1, năm thứ 1	X			GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy	
	Đông Văn Thảo	Giáo dục QP-AN F3	Học kỳ 1, năm thứ 1	X			GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy	
	Phạm Đức Tuấn		Học kỳ 1, năm thứ 1	X			GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy	
11	Phạm Tiến Dũng	Giáo dục thể chất F1	Học kỳ 1, năm thứ 1	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
	Nguyễn Văn Toàn		Học kỳ 1, năm thứ 1	X			GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy	
	Phạm Tiến Dũng	Giáo dục thể chất F2	Học kỳ 2, năm thứ 1	X			GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy	
	Nguyễn Văn Toàn		Học kỳ 2, năm thứ 1	X			GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy	
	Nguyễn Ngọc Thoa	Giáo dục thể chất F3	Học kỳ 3, năm thứ 2	X			GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy	
	Đặng Văn An		Học kỳ 3, năm thứ 2	X			GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy	
	Đặng Văn An	Giáo dục thể chất F4	Học kỳ 4, năm thứ 2	X			GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy	
Nguyễn Ngọc Thoa	Học kỳ 4, năm thứ 2		X			GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy		
12	Nguyễn Đình Hải	Vật liệu xây dựng	Học kỳ 2, năm thứ 1	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
	Nguyễn Tiến Dũng		Học kỳ 2, năm thứ 1	X			GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy	
13	Nguyễn Xuân Huy	Kết cấu công trình	Học kỳ 3, năm thứ 2	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
	Nguyễn Hoàng Quân		Học kỳ 3, năm thứ 2	X			GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy	
14	Trần Bảo Việt	a- Kiến trúc dân dụng	Học kỳ 3, năm thứ 2				X	GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
	Bùi Thị Loan		Học kỳ 3, năm thứ 2				X	GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
	Trần Bảo Việt	b- Kiến trúc công nghiệp	Học kỳ 3, năm thứ 2				X	GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy

	Bùi Thị Loan		Học kỳ 3, năm thứ 2			X		GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
	Trần Bảo Việt	Công nghệ xây dựng cơ bản	Học kỳ 4, năm thứ 2	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
	Đặng Thị Thu Thảo		Học kỳ 4, năm thứ 2	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
	Nguyễn Thị Thu Hằng	Đồ án công nghệ xây dựng	Học kỳ 5, năm thứ 3	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
	Đặng Thị Thu Thảo		Học kỳ 5, năm thứ 3	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
15	Trần Thị Lan Hương	a - Tâm lý học trong quản lý	Học kỳ 3, năm thứ 2			X		GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
	Lâm Quốc Đạt		Học kỳ 3, năm thứ 2			X		GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
16	Võ Thanh Hà	a- Hệ thống điện trong đô thị	Học kỳ 8, năm thứ 4			X		GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
	Trần Ngọc Tú		Học kỳ 8, năm thứ 4			X		GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
17	Đặng Văn Hiếu	b- Hệ thống thông tin đô thị	Học kỳ 8, năm thứ 4			X		GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
	Vũ Hoàng Hoa		Học kỳ 8, năm thứ 4			X		GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
18	Nguyễn Hiếu Cường	b - Nhập môn tư duy máy tính	Học kỳ 3, năm thứ 2			X		GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
	Cao Thị Luyện		Học kỳ 3, năm thứ 2			X		GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
19	Phạm Đình Phong	a - Khoa học dữ liệu và trí tuệ nhân tạo	Học kỳ 4, năm thứ 2			X		GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
	Hoàng Văn Thông		Học kỳ 4, năm thứ 2			X		GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
20	Nguyễn Đức Mạnh	Địa chất công trình ứng dụng	Học kỳ 1, năm thứ 1	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
	Nguyễn Đức Hạnh		Học kỳ 1, năm thứ 1	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
	Phí Hồng Thịnh		Học kỳ 1, năm thứ 1	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
	Đặng Hồng Lam	Cơ học đất-nền móng	Học kỳ 3, năm thứ 2	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
	Nguyễn Đức Vinh		Học kỳ 3, năm thứ 2	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
21	Bùi Thanh Quang	Cơ học công trình	Học kỳ 2, năm thứ 1	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
	Nguyễn Xuân Tùng		Học kỳ 2, năm thứ 1	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
	Phạm Văn Phê		Học kỳ 2, năm thứ 1	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
22	Hồ Thị Lan Hương	Trắc địa	Học kỳ 2, năm thứ 1	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
	Đỗ Văn Mạnh		Học kỳ 2, năm thứ 1	X			Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo	
	Lê Văn Hiến		Học kỳ 2, năm thứ 1	X			GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy	
	Lê Văn Hiến	Thực tập trắc địa	Học kỳ 3, năm thứ 2	X			GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy	

	Vũ Ngọc Phượng		Học kỳ 3, năm thứ 2	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
	Đỗ Văn Mạnh	Quy hoạch đô thị (*)	Học kỳ 8, năm thứ 4	X				Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
	Lê Khánh Giang	Hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị	Học kỳ 5, năm thứ 3	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
	Lê Khánh Giang	Chính sách đô thị	Học kỳ 5, năm thứ 3	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
	Lê Khánh Giang	GIS trong quản lý đô thị và bất động sản	Học kỳ 6, năm thứ 3	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
23	Tống Anh Tuấn	Thủy văn công trình	Học kỳ 4, năm thứ 2	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
	Hoàng Nam Bình		Học kỳ 4, năm thứ 2	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
24	Lê Đắc Hiền	b - Tin học xây dựng	Học kỳ 4, năm thứ 2			X		GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
	Nguyễn Thị Thanh Yên		Học kỳ 4, năm thứ 2			X		GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
25	Nguyễn Thị Tuyết Trinh	Công trình giao thông đô thị	Học kỳ 7, năm thứ 4	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
	Trần Việt Hùng		Học kỳ 7, năm thứ 4	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
	Đào Duy Lâm	Công nghệ thi công các công trình phức hợp (*)	Học kỳ 8, năm thứ 4	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
	Trần Việt Hùng		Học kỳ 8, năm thứ 4	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
26	Nguyễn Trọng Hiệp	Quản lý phát triển đô thị bền vững	Học kỳ 6, năm thứ 3	X				Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
	Nguyễn Trọng Hiệp	Quản lý không gian công cộng	Học kỳ 9, năm thứ 5	X				Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
	Nguyễn Trọng Hiệp	Quy hoạch sử dụng đất cho phát triển BĐS đô thị	Học kỳ 9, năm thứ 5	X				Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
	Nguyễn Trọng Hiệp	Quản lý thiết kế	Học kỳ 8, năm thứ 4	X				Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
27	Hồ Anh Cường	Nhập môn ngành Quản lý đô thị và Công trình	Học kỳ 1, năm thứ 1	X				Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
	Hoàng Thị Thanh Nhân		Học kỳ 1, năm thứ 1	X				Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
	Nguyễn Lan Anh		Học kỳ 1, năm thứ 1	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
	Phạm Vũ Hà		Học kỳ 1, năm thứ 1	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy

Hoàng Thị Thanh Nhân	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	Học kỳ 5, năm thứ 3	X				Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
Phạm Vũ Hà		Học kỳ 5, năm thứ 3	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Nguyễn Hà Linh		Học kỳ 5, năm thứ 3	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Nguyễn Huy Hùng	Hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị	Học kỳ 5, năm thứ 3	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Vũ Ngọc Phương		Học kỳ 5, năm thứ 3	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Vũ Ngọc Phương	Bảo trì và khai thác công trình	Học kỳ 5, năm thứ 3	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Hồ Anh Cường		Học kỳ 5, năm thứ 3	X				Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
Nguyễn Lan Anh		Học kỳ 5, năm thứ 3	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Hoàng Thị Thanh Nhân	b - Tiếng Pháp chuyên ngành	Học kỳ 5, năm thứ 3				X	Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo Bằng ThS., TS. tại CH Pháp
Hồ Anh Cường		Học kỳ 5, năm thứ 3				X	Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo Bằng TS. tại CH Pháp
Nguyễn Hà Linh	GIS trong quản lý đô thị và bất động sản	Học kỳ 6, năm thứ 3	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Hoàng Thanh Thuý		Học kỳ 6, năm thứ 3	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Trần Tuấn Hiệp	Lịch sử và lý thuyết đô thị	Học kỳ 6, năm thứ 3	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Phạm Vũ Hà		Học kỳ 6, năm thứ 3	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Hoàng Thị Thanh Nhân		Học kỳ 6, năm thứ 3	X				Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
Vũ Ngọc Phương	Khai thác công trình BĐS	Học kỳ 6, năm thứ 3	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Hoàng Thị Thanh Nhân		Học kỳ 6, năm thứ 3	X				Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
Hoàng Thanh Thuý		Học kỳ 6, năm thứ 3	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Phạm Vũ Hà	Kiến trúc cảnh quan đô thị	Học kỳ 7, năm thứ 4	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Trần Tuấn Hiệp		Học kỳ 7, năm thứ 4	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Vũ Phương Thảo		Học kỳ 7, năm thứ 4	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy

Nguyễn Huy Hùng	Xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn trong quản lý đô thị và công trình	Học kỳ 7, năm thứ 4	X				GV chuyên môn phụ chủ trì giảng dạy	
Vũ Phương Thảo		Học kỳ 7, năm thứ 4	X				GV chuyên môn phụ chủ trì giảng dạy	
Nguyễn Lan Anh		Học kỳ 7, năm thứ 4	X				GV chuyên môn phụ chủ trì giảng dạy	
Vũ Phương Thảo	Chiến lược phát triển BĐS đô thị	Học kỳ 7, năm thứ 4	X				GV chuyên môn phụ chủ trì giảng dạy	
Phạm Vũ Hà		Học kỳ 7, năm thứ 4	X				GV chuyên môn phụ chủ trì giảng dạy	
Nguyễn Hà Linh		Học kỳ 7, năm thứ 4	X				GV chuyên môn phụ chủ trì giảng dạy	
Hồ Anh Cường	Thực tập kỹ thuật	Học kỳ 7, năm thứ 4	X				Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo	
Hoàng Thị Thanh Nhân		Học kỳ 7, năm thứ 4	X				Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo	
Nguyễn Lan Anh		Học kỳ 7, năm thứ 4	X				GV chuyên môn phụ chủ trì giảng dạy	
Phạm Vũ Hà		Học kỳ 7, năm thứ 4	X				GV chuyên môn phụ chủ trì giảng dạy	
Nguyễn Huy Hùng		Học kỳ 7, năm thứ 4	X				GV chuyên môn phụ chủ trì giảng dạy	
Vũ Ngọc Phương		Học kỳ 7, năm thứ 4	X				GV chuyên môn phụ chủ trì giảng dạy	
Vũ Phương Thảo		Học kỳ 7, năm thứ 4	X				GV chuyên môn phụ chủ trì giảng dạy	
Nguyễn Hà Linh		Học kỳ 7, năm thứ 4	X				GV chuyên môn phụ chủ trì giảng dạy	
Hồ Anh Cường		Thực tập tốt nghiệp	Học kỳ 8, năm thứ 4	X				Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
Hoàng Thị Thanh Nhân			Học kỳ 8, năm thứ 4	X				Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
Nguyễn Lan Anh	Học kỳ 8, năm thứ 4		X				GV chuyên môn phụ chủ trì giảng dạy	
Phạm Vũ Hà	Học kỳ 8, năm thứ 4		X				GV chuyên môn phụ chủ trì giảng dạy	
Nguyễn Huy Hùng	Học kỳ 8, năm thứ 4		X				GV chuyên môn phụ chủ trì giảng dạy	
Vũ Ngọc Phương	Học kỳ 8, năm thứ 4		X				GV chuyên môn phụ chủ trì giảng dạy	
Vũ Phương Thảo	Học kỳ 8, năm thứ 4		X				GV chuyên môn phụ chủ trì giảng dạy	
Nguyễn Hà Linh	Học kỳ 8, năm thứ 4		X				GV chuyên môn phụ chủ trì giảng dạy	
Hồ Anh Cường	Đồ án tốt nghiệp	Học kỳ 8, năm thứ 4	X				Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo	

Hoàng Thị Thanh Nhân		Học kỳ 8, năm thứ 4	X				Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
Nguyễn Lan Anh		Học kỳ 8, năm thứ 4	X				GV chuyên môn phụ chủ trì giảng dạy
Phạm Vũ Hà		Học kỳ 8, năm thứ 4	X				GV chuyên môn phụ chủ trì giảng dạy
Nguyễn Huy Hùng		Học kỳ 8, năm thứ 4	X				GV chuyên môn phụ chủ trì giảng dạy
Vũ Ngọc Phương		Học kỳ 8, năm thứ 4	X				GV chuyên môn phụ chủ trì giảng dạy
Vũ Phương Thảo		Học kỳ 8, năm thứ 4	X				GV chuyên môn phụ chủ trì giảng dạy
Nguyễn Hà Linh		Học kỳ 8, năm thứ 4	X				GV chuyên môn phụ chủ trì giảng dạy
Hồ Anh Cường	Quản lý nhà nước về bất động sản	Học kỳ 8, năm thứ 4	X				Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
Vũ Phương Thảo		Học kỳ 8, năm thứ 4	X				GV chuyên môn phụ chủ trì giảng dạy
Nguyễn Huy Hùng		Học kỳ 8, năm thứ 4	X				GV chuyên môn phụ chủ trì giảng dạy
Nguyễn Hà Linh	Quy hoạch đô thị (*)	Học kỳ 8, năm thứ 4	X				GV chuyên môn phụ chủ trì giảng dạy
Hoàng Thanh Thúy		Học kỳ 8, năm thứ 4	X				GV chuyên môn phụ chủ trì giảng dạy
Trần Tuấn Hiệp	Thiết kế đô thị	Học kỳ 8, năm thứ 4	X				GV chuyên môn phụ chủ trì giảng dạy
Phạm Vũ Hà		Học kỳ 8, năm thứ 4	X				GV chuyên môn phụ chủ trì giảng dạy
Vũ Ngọc Phương		Học kỳ 8, năm thứ 4	X				GV chuyên môn phụ chủ trì giảng dạy
Hồ Anh Cường	Quản lý phát triển khu đô thị	Học kỳ 8, năm thứ 4	X				Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
Vũ Phương Thảo		Học kỳ 8, năm thứ 4	X				GV chuyên môn phụ chủ trì giảng dạy
Hoàng Thanh Thúy		Học kỳ 8, năm thứ 4	X				GV chuyên môn phụ chủ trì giảng dạy
Vũ Phương Thảo	Quản lý vận hành nhà chung cư	Học kỳ 9, năm thứ 5	X				GV chuyên môn phụ chủ trì giảng dạy
Phạm Vũ Hà		Học kỳ 9, năm thứ 5	X				GV chuyên môn phụ chủ trì giảng dạy
Nguyễn Huy Hùng		Học kỳ 9, năm thứ 5	X				GV chuyên môn phụ chủ trì giảng dạy
Nguyễn Lan Anh	Đồ án quản lý vận hành nhà chung cư	Học kỳ 9, năm thứ 5	X				GV chuyên môn phụ chủ trì giảng dạy
Phạm Vũ Hà		Học kỳ 9, năm thứ 5	X				GV chuyên môn phụ chủ trì giảng dạy
Nguyễn Huy Hùng		Học kỳ 9, năm thứ 5	X				GV chuyên môn phụ chủ trì giảng dạy
Nguyễn Lan Anh	Thanh tra đất đai và xây dựng	Học kỳ 9, năm thứ 5	X				GV chuyên môn phụ chủ trì giảng dạy
Vũ Phương Thảo		Học kỳ 9, năm thứ 5	X				GV chuyên môn phụ chủ trì giảng dạy

Nguyễn Hà Linh		Học kỳ 9, năm thứ 5	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Hồ Anh Cường	Đăng ký đất đai và bất động sản	Học kỳ 9, năm thứ 5	X				Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
Nguyễn Huy Hùng		Học kỳ 9, năm thứ 5	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Vũ Ngọc Phương		Học kỳ 9, năm thứ 5	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Hoàng Thị Thanh Nhân	Đánh giá môi trường dự án phát triển bất động sản	Học kỳ 9, năm thứ 5	X				Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
Nguyễn Lan Anh		Học kỳ 9, năm thứ 5	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Vũ Ngọc Phương		Học kỳ 9, năm thứ 5	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Vũ Ngọc Phương	Quản lý không gian công cộng	Học kỳ 9, năm thứ 5	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Hoàng Thanh Thuý		Học kỳ 9, năm thứ 5	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Vũ Ngọc Phương	b - Đàm phán trong kinh doanh BĐS	Học kỳ 9, năm thứ 5				X	GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Nguyễn Lan Anh		Học kỳ 9, năm thứ 5				X	GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Nguyễn Huy Hùng		Học kỳ 9, năm thứ 5				X	GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Nguyễn Hà Linh	Quy hoạch sử dụng đất cho phát triển BĐS đô thị	Học kỳ 9, năm thứ 5	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Hoàng Thanh Thuý		Học kỳ 9, năm thứ 5	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Hoàng Thị Thanh Nhân	Đồ án quy hoạch sử dụng đất cho phát triển BĐS đô thị	Học kỳ 9, năm thứ 5	X				Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
Nguyễn Hà Linh		Học kỳ 9, năm thứ 5	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Hoàng Thanh Thuý		Học kỳ 9, năm thứ 5	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Hồ Anh Cường	Thực tập Kỹ sư	Học kỳ 10, năm thứ 5	X				Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
Hoàng Thị Thanh Nhân		Học kỳ 10, năm thứ 5	X				Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
Nguyễn Lan Anh		Học kỳ 10, năm thứ 5	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Phạm Vũ Hà		Học kỳ 10, năm thứ 5	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Nguyễn Huy Hùng		Học kỳ 10, năm thứ 5	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Vũ Ngọc Phương		Học kỳ 10, năm thứ 5	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Vũ Phương Thảo		Học kỳ 10, năm thứ 5	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy

	Nguyễn Hà Linh		Học kỳ 10, năm thứ 5	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
	Hồ Anh Cường	Đồ án tốt nghiệp Kỹ sư	Học kỳ 10, năm thứ 5	X				Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
	Hoàng Thị Thanh Nhân		Học kỳ 10, năm thứ 5	X				Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
	Nguyễn Lan Anh		Học kỳ 10, năm thứ 5	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
	Phạm Vũ Hà		Học kỳ 10, năm thứ 5	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
	Nguyễn Huy Hùng		Học kỳ 10, năm thứ 5	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
	Vũ Ngọc Phương		Học kỳ 10, năm thứ 5	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
	Vũ Phương Thảo		Học kỳ 10, năm thứ 5	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
	Nguyễn Hà Linh		Học kỳ 10, năm thứ 5	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
	Trần Tuấn Hiệp		Quản lý thiết kế	Học kỳ 8, năm thứ 4	X			
	Nguyễn Huy Hùng	a- Hệ thống cấp thoát nước đô thị	Học kỳ 8, năm thứ 4			X		GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
	Vũ Phương Thảo		Học kỳ 8, năm thứ 4			X		GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
	Hoàng Thị Thanh Nhân	b- Hệ thống công trình ngầm đô thị	Học kỳ 8, năm thứ 4			X		Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
	Vũ Ngọc Phương		Học kỳ 8, năm thứ 4			X		GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
28	Vũ Minh Hằng	Kỹ năng mềm	Học kỳ 2, năm thứ 1	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
	Nguyễn Hoàng Tùng		Học kỳ 2, năm thứ 1	X				Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
	Nguyễn Hữu Vương		Học kỳ 2, năm thứ 1	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
	Nguyễn Thị Hương		Học kỳ 2, năm thứ 1	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
	Vũ Quang Huy		Học kỳ 2, năm thứ 1	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
	Nguyễn Thị Hậu	Tài chính công	Học kỳ 3, năm thứ 2	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
	Nguyễn Hữu Vương		Học kỳ 3, năm thứ 2	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
	Cao Phương Thảo		Học kỳ 3, năm thứ 2	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
	Lê Kim Nhung		Học kỳ 3, năm thứ 2	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
	Bùi Ngọc Toàn	Quản lý Nhà nước về xây dựng 1	Học kỳ 4, năm thứ 2	X				Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo

Cao Phương Thảo		Học kỳ 4, năm thứ 2	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Lê Kim Nhung		Học kỳ 4, năm thứ 2	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Đặng Thị Thùy Dung		Học kỳ 4, năm thứ 2	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Vũ Minh Hằng		Học kỳ 4, năm thứ 2	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Nguyễn Hoàng Tùng	Điều tra xã hội học	Học kỳ 4, năm thứ 2	X				Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
Hoàng Thùy Linh		Học kỳ 4, năm thứ 2	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Vũ Quang Huy		Học kỳ 4, năm thứ 2	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Nguyễn Thị Hương		Học kỳ 4, năm thứ 2	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Nguyễn Thị Hậu		Học kỳ 4, năm thứ 2	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Nguyễn Thị Hậu	Thương mại trong xây dựng	Học kỳ 5, năm thứ 3	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Cao Phương Thảo		Học kỳ 5, năm thứ 3	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Lê Kim Nhung		Học kỳ 5, năm thứ 3	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Đặng Thị Thùy Dung		Học kỳ 5, năm thứ 3	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Vũ Minh Hằng		Học kỳ 5, năm thứ 3	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Nguyễn Hoàng Tùng	Chính sách đô thị	Học kỳ 5, năm thứ 3	X				Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
Hoàng Thùy Linh		Học kỳ 5, năm thứ 3	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Vũ Quang Huy		Học kỳ 5, năm thứ 3	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Nguyễn Thị Hương		Học kỳ 5, năm thứ 3	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Nguyễn Thị Hậu		Học kỳ 5, năm thứ 3	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Vũ Minh Hằng	a - Tiếng Anh chuyên ngành	Học kỳ 5, năm thứ 3				X	GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Nguyễn Hoàng Tùng		Học kỳ 5, năm thứ 3				X	Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
Nguyễn Hữu Vương		Học kỳ 5, năm thứ 3				X	GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Hoàng Thùy Linh		Học kỳ 5, năm thứ 3				X	GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Vũ Quang Huy		Học kỳ 5, năm thứ 3				X	GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Vũ Minh Hằng	c - Tiếng Nga chuyên ngành	Học kỳ 5, năm thứ 3				X	GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy

Nguyễn Hoàng Tùng		Học kỳ 5, năm thứ 3			X		Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
Nguyễn Hữu Vương		Học kỳ 5, năm thứ 3			X		GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Hoàng Thùy Linh		Học kỳ 5, năm thứ 3			X		GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Vũ Quang Huy		Học kỳ 5, năm thứ 3			X		GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Nguyễn Hoàng Tùng	Phân tích và xử lý dữ liệu 1	Học kỳ 5, năm thứ 3	X				Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
Hoàng Thùy Linh		Học kỳ 5, năm thứ 3	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Vũ Quang Huy		Học kỳ 5, năm thứ 3	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Nguyễn Thị Hương		Học kỳ 5, năm thứ 3	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Nguyễn Thị Hậu		Học kỳ 5, năm thứ 3	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Bùi Ngọc Toàn	Lý thuyết quản lý dự án	Học kỳ 6, năm thứ 3	X				Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
Cao Phương Thảo		Học kỳ 6, năm thứ 3	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Lê Kim Nhung		Học kỳ 6, năm thứ 3	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Đặng Thị Thùy Dung		Học kỳ 6, năm thứ 3	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Vũ Minh Hằng		Học kỳ 6, năm thứ 3	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Bùi Ngọc Toàn	Lập và phân tích dự án đầu tư xây dựng	Học kỳ 6, năm thứ 3	X				Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
Cao Phương Thảo		Học kỳ 6, năm thứ 3	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Lê Kim Nhung		Học kỳ 6, năm thứ 3	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Đặng Thị Thùy Dung		Học kỳ 6, năm thứ 3	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Nguyễn Thị Hậu		Học kỳ 6, năm thứ 3	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Nguyễn Hoàng Tùng	Quản lý phát triển đô thị bền vững	Học kỳ 6, năm thứ 3	X				Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
Hoàng Thùy Linh		Học kỳ 6, năm thứ 3	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Bùi Ngọc Toàn		Học kỳ 6, năm thứ 3	X				Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
Nguyễn Thị Hương		Học kỳ 6, năm thứ 3	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy

Nguyễn Thị Hậu		Học kỳ 6, năm thứ 3	X				GV chuyên môn phụ chủ trì giảng dạy
Nguyễn Hoàng Tùng	Tổ chức quản lý thực hiện dự án xây dựng	Học kỳ 6, năm thứ 3	X				Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
Nguyễn Quang Hiển		Học kỳ 6, năm thứ 3	X				GV chuyên môn phụ chủ trì giảng dạy
Phan Thị Hiền		Học kỳ 6, năm thứ 3	X				GV chuyên môn phụ chủ trì giảng dạy
Vũ Quang Huy		Học kỳ 6, năm thứ 3	X				GV chuyên môn phụ chủ trì giảng dạy
Cao Phương Thảo		Học kỳ 6, năm thứ 3	X				GV chuyên môn phụ chủ trì giảng dạy
Vũ Minh Hằng		Quản lý hợp đồng và mối quan hệ các bên	Học kỳ 7, năm thứ 4	X			
Nguyễn Hữu Vương	Học kỳ 7, năm thứ 4		X				GV chuyên môn phụ chủ trì giảng dạy
Cao Phương Thảo	Học kỳ 7, năm thứ 4		X				GV chuyên môn phụ chủ trì giảng dạy
Nguyễn Thị Hậu	Học kỳ 7, năm thứ 4		X				GV chuyên môn phụ chủ trì giảng dạy
Lê Kim Nhung	Học kỳ 7, năm thứ 4		X				GV chuyên môn phụ chủ trì giảng dạy
Nguyễn Hoàng Tùng	Quản lý an toàn và môi trường trong xây dựng		Học kỳ 7, năm thứ 4	X			
Nguyễn Quang Hiển		Học kỳ 7, năm thứ 4	X				GV chuyên môn phụ chủ trì giảng dạy
Phan Thị Hiền		Học kỳ 7, năm thứ 4	X				GV chuyên môn phụ chủ trì giảng dạy
Vũ Quang Huy		Học kỳ 7, năm thứ 4	X				GV chuyên môn phụ chủ trì giảng dạy
Bùi Ngọc Toàn		Học kỳ 7, năm thứ 4	X				Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
Nguyễn Thị Hậu		Kinh tế đô thị	Học kỳ 7, năm thứ 4	X			
Cao Phương Thảo	Học kỳ 7, năm thứ 4		X				GV chuyên môn phụ chủ trì giảng dạy
Lê Kim Nhung	Học kỳ 7, năm thứ 4		X				GV chuyên môn phụ chủ trì giảng dạy
Hoàng Thùy Linh	Học kỳ 7, năm thứ 4		X				GV chuyên môn phụ chủ trì giảng dạy
Vũ Minh Hằng	Học kỳ 7, năm thứ 4		X				GV chuyên môn phụ chủ trì giảng dạy
Nguyễn Hoàng Tùng	Quản lý vận hành và dịch vụ công trình hạ tầng đô thị 1		Học kỳ 7, năm thứ 4	X			
Hoàng Thùy Linh		Học kỳ 7, năm thứ 4	X				GV chuyên môn phụ chủ trì giảng dạy
Vũ Quang Huy		Học kỳ 7, năm thứ 4	X				GV chuyên môn phụ chủ trì giảng dạy
Nguyễn Thị Hương		Học kỳ 7, năm thứ 4	X				GV chuyên môn phụ chủ trì giảng dạy

Nguyễn Thị Hậu		Học kỳ 7, năm thứ 4	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Nguyễn Thị Hậu	Dự toán và thẩm định giá trong xây dựng 1	Học kỳ 7, năm thứ 4	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Cao Phương Thảo		Học kỳ 7, năm thứ 4	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Lê Kim Nhung		Học kỳ 7, năm thứ 4	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Đặng Thị Thùy Dung		Học kỳ 7, năm thứ 4	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Nguyễn Thị Hương		Học kỳ 7, năm thứ 4	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Nguyễn Thị Hậu		Thực tập tốt nghiệp	Học kỳ 8, năm thứ 4	X			
Cao Phương Thảo	Học kỳ 8, năm thứ 4		X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Lê Kim Nhung	Học kỳ 8, năm thứ 4		X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Nguyễn Quang Hiến	Học kỳ 8, năm thứ 4		X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Nguyễn Thị Hương	Học kỳ 8, năm thứ 4		X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Nguyễn Hoàng Tùng	Đồ án tốt nghiệp		Học kỳ 8, năm thứ 4	X			
Bùi Ngọc Toàn		Học kỳ 8, năm thứ 4	X				Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
Nguyễn Thị Hậu		Học kỳ 8, năm thứ 4	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Vũ Minh Hằng		Học kỳ 8, năm thứ 4	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Hoàng Thùy Linh		Học kỳ 8, năm thứ 4	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Nguyễn Thị Hậu		Tin học trong quản lý (*)	Học kỳ 8, năm thứ 4	X			
Nguyễn Hữu Vương	Học kỳ 8, năm thứ 4		X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Nguyễn Quang Hiến	Học kỳ 8, năm thứ 4		X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Vũ Quang Huy	Học kỳ 8, năm thứ 4		X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Hoàng Thùy Linh	Học kỳ 8, năm thứ 4		X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Bùi Ngọc Toàn	Định giá BĐS		Học kỳ 8, năm thứ 4	X			
Nguyễn Thị Hậu		Học kỳ 8, năm thứ 4	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Cao Phương Thảo		Học kỳ 8, năm thứ 4	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Lê Kim Nhung		Học kỳ 8, năm thứ 4	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Nguyễn Thị Hương		Học kỳ 8, năm thứ 4	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy

Bùi Ngọc Toàn	Đồ án định giá BĐS	Học kỳ 8, năm thứ 4	X				Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
Nguyễn Thị Hậu		Học kỳ 8, năm thứ 4	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Cao Phương Thảo		Học kỳ 8, năm thứ 4	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Lê Kim Nhung		Học kỳ 8, năm thứ 4	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Nguyễn Thị Hương		Học kỳ 8, năm thứ 4	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Bùi Ngọc Toàn	Thẩm định và giám sát đánh giá dự án đầu tư BĐS	Học kỳ 8, năm thứ 4	X				Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
Cao Phương Thảo		Học kỳ 8, năm thứ 4	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Lê Kim Nhung		Học kỳ 8, năm thứ 4	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Đặng Thị Thùy Dung		Học kỳ 8, năm thứ 4	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Nguyễn Thị Hậu		Học kỳ 8, năm thứ 4	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Nguyễn Hoàng Tùng	Mô hình thông tin xây dựng công trình (BIM) (*)	Học kỳ 9, năm thứ 5	X				Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
Hoàng Thùy Linh		Học kỳ 9, năm thứ 5	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Vũ Quang Huy		Học kỳ 9, năm thứ 5	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Nguyễn Thị Hương		Học kỳ 9, năm thứ 5	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Nguyễn Thị Hậu		Học kỳ 9, năm thứ 5	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Vũ Minh Hằng	a - Quan hệ công chúng (PR)	Học kỳ 9, năm thứ 5				X	GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Nguyễn Hữu Vương		Học kỳ 9, năm thứ 5				X	GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Cao Phương Thảo		Học kỳ 9, năm thứ 5				X	GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Nguyễn Thị Hậu		Học kỳ 9, năm thứ 5				X	GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Lê Kim Nhung		Học kỳ 9, năm thứ 5				X	GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Nguyễn Hoàng Tùng	Phân tích và xử lý dữ liệu 2	Học kỳ 8, năm thứ 4	X				Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
Hoàng Thùy Linh		Học kỳ 8, năm thứ 4	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Vũ Quang Huy		Học kỳ 8, năm thứ 4	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Nguyễn Thị Hương		Học kỳ 8, năm thứ 4	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Nguyễn Thị Hậu		Học kỳ 8, năm thứ 4	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy

Vũ Minh Hằng	Xúc tiến đầu tư và pháp lý dự án đầu tư xây dựng công trình	Học kỳ 8, năm thứ 4	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Nguyễn Hữu Vương		Học kỳ 8, năm thứ 4	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Cao Phương Thảo		Học kỳ 8, năm thứ 4	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Nguyễn Thị Hậu		Học kỳ 8, năm thứ 4	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Lê Kim Nhung		Học kỳ 8, năm thứ 4	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Bùi Ngọc Toàn	Đồ án lập và thẩm định dự án đầu tư xây dựng	Học kỳ 8, năm thứ 4	X				Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
Cao Phương Thảo		Học kỳ 8, năm thứ 4	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Lê Kim Nhung		Học kỳ 8, năm thứ 4	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Đặng Thị Thùy Dung		Học kỳ 8, năm thứ 4	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Nguyễn Thị Hậu		Học kỳ 8, năm thứ 4	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Vũ Minh Hằng	Lựa chọn nhà thầu trong hoạt động xây dựng	Học kỳ 8, năm thứ 4	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Nguyễn Thị Hương		Học kỳ 8, năm thứ 4	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Cao Phương Thảo		Học kỳ 8, năm thứ 4	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Nguyễn Thị Hậu		Học kỳ 8, năm thứ 4	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Lê Kim Nhung		Học kỳ 8, năm thứ 4	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Nguyễn Hoàng Tùng	Quản lý đi lại trong đô thị	Học kỳ 9, năm thứ 5	X				Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
Hoàng Thùy Linh		Học kỳ 9, năm thứ 5	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Vũ Quang Huy		Học kỳ 9, năm thứ 5	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Nguyễn Thị Hương		Học kỳ 9, năm thứ 5	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Lê Kim Nhung		Học kỳ 9, năm thứ 5	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Bùi Ngọc Toàn	Kỹ thuật nhận dạng và phân tích rủi ro dự án đầu tư xây dựng	Học kỳ 9, năm thứ 5	X				Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
Nguyễn Hữu Vương		Học kỳ 9, năm thứ 5	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Cao Phương Thảo		Học kỳ 9, năm thứ 5	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Nguyễn Thị Hậu		Học kỳ 9, năm thứ 5	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
Nguyễn Thị Hương		Học kỳ 9, năm thứ 5	X				GV chuyên môn phù chủ trì giảng dạy

Nguyễn Hoàng Tùng	Quản lý vận hành và dịch vụ công trình hạ tầng đô thị 2	Học kỳ 9, năm thứ 5	X				Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
Hoàng Thùy Linh		Học kỳ 9, năm thứ 5	X				GV chuyên môn phụ chủ trì giảng dạy
Vũ Quang Huy		Học kỳ 9, năm thứ 5	X				GV chuyên môn phụ chủ trì giảng dạy
Nguyễn Thị Hương		Học kỳ 9, năm thứ 5	X				GV chuyên môn phụ chủ trì giảng dạy
Nguyễn Thị Hậu		Học kỳ 9, năm thứ 5	X				GV chuyên môn phụ chủ trì giảng dạy
Nguyễn Hoàng Tùng	Quản lý nhà và thị trường bất động sản	Học kỳ 9, năm thứ 5	X				Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
Hoàng Thùy Linh		Học kỳ 9, năm thứ 5	X				GV chuyên môn phụ chủ trì giảng dạy
Bùi Ngọc Toàn		Học kỳ 9, năm thứ 5	X				Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
Nguyễn Thị Hương		Học kỳ 9, năm thứ 5	X				GV chuyên môn phụ chủ trì giảng dạy
Nguyễn Thị Hậu		Học kỳ 9, năm thứ 5	X				GV chuyên môn phụ chủ trì giảng dạy
Nguyễn Hoàng Tùng	Quản lý Chính phủ và doanh nghiệp số trong lĩnh vực xây dựng	Học kỳ 9, năm thứ 5	X				Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
Hoàng Thùy Linh		Học kỳ 9, năm thứ 5	X				GV chuyên môn phụ chủ trì giảng dạy
Vũ Quang Huy		Học kỳ 9, năm thứ 5	X				GV chuyên môn phụ chủ trì giảng dạy
Nguyễn Thị Hương		Học kỳ 9, năm thứ 5	X				GV chuyên môn phụ chủ trì giảng dạy
Nguyễn Thị Hậu		Học kỳ 9, năm thứ 5	X				GV chuyên môn phụ chủ trì giảng dạy
Nguyễn Hoàng Tùng	Mô hình bản sao số trong quản lý đô thị	Học kỳ 9, năm thứ 5	X				Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
Hoàng Thùy Linh		Học kỳ 9, năm thứ 5	X				GV chuyên môn phụ chủ trì giảng dạy
Vũ Quang Huy		Học kỳ 9, năm thứ 5	X				GV chuyên môn phụ chủ trì giảng dạy
Nguyễn Thị Hương		Học kỳ 9, năm thứ 5	X				GV chuyên môn phụ chủ trì giảng dạy
Nguyễn Thị Hậu		Học kỳ 9, năm thứ 5	X				GV chuyên môn phụ chủ trì giảng dạy
Nguyễn Thị Hậu	Thực tập Kỹ sư	Học kỳ 10, năm thứ 5	X				GV chuyên môn phụ chủ trì giảng dạy
Cao Phương Thảo		Học kỳ 10, năm thứ 5	X				GV chuyên môn phụ chủ trì giảng dạy
Lê Kim Nhung		Học kỳ 10, năm thứ 5	X				GV chuyên môn phụ chủ trì giảng dạy
Nguyễn Quang Hiến		Học kỳ 10, năm thứ 5	X				GV chuyên môn phụ chủ trì giảng dạy

Nguyễn Thị Hương	Đồ án tốt nghiệp Kỹ sư	Học kỳ 10, năm thứ 5	X				GV chuyên môn phụ chủ trì giảng dạy
Nguyễn Hoàng Tùng		Học kỳ 10, năm thứ 5	X				Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
Bùi Ngọc Toàn		Học kỳ 10, năm thứ 5	X				Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
Nguyễn Thị Hậu		Học kỳ 10, năm thứ 5	X				GV chuyên môn phụ chủ trì giảng dạy
Vũ Minh Hằng		Học kỳ 10, năm thứ 5	X				GV chuyên môn phụ chủ trì giảng dạy
Hoàng Thùy Linh		Học kỳ 10, năm thứ 5	X				GV chuyên môn phụ chủ trì giảng dạy

Mẫu 3: Danh sách cán bộ quản lý cấp khoa đối với ngành đào tạo dự kiến mở trình độ đại học/thạc sĩ/tiến sĩ của cơ sở đào tạo

Số TT	Họ và tên, ngày sinh, chức vụ hiện tại	Trình độ đào tạo, năm tốt nghiệp	Ngành/Chuyên ngành	Ghi chú
1	Bùi Tiến Thành 25/10/1976 Trưởng Khoa Công trình	Tiến sĩ	Xây dựng cầu hầm	PGS
2	Nguyễn Viết Thanh 27/9/1977 Phó Trưởng Khoa Công trình	Tiến sĩ	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	PGS
3	Nguyễn Quang Tuấn 14/12/1983 Phó Trưởng Khoa Công trình	Tiến sĩ, 2014	Kỹ thuật xây dựng công trình	PGS
4	Bùi Ngọc Toàn 04/09/1968 Trưởng Khoa Quản lý xây dựng	Tiến sĩ, 1998	Quản lý xây dựng	PGS
5	Phạm Thị Tuyết 25/03/1978 Phó Trưởng Khoa Quản lý xây dựng	Tiến sĩ	Quản lý xây dựng	
6	Nguyễn Hoàng Tùng 29/01/1983 Phó Trưởng Khoa Quản lý xây dựng	Tiến sĩ, 2014	Khoa học và kỹ thuật	PGS

2. Về kết quả nghiên cứu khoa học

Mẫu 4: Các đề tài nghiên cứu khoa học của cơ sở đào tạo, giảng viên, nhà khoa học liên quan đến ngành đào tạo dự kiến mở do cơ sở đào tạo thực hiện (kèm theo bản liệt kê có bản sao quyết định, bản sao biên bản nghiệm thu)

STT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Ghi chú
1	T2021-CT-009	Cấp Trường	Nghiên cứu đánh giá hư hỏng của nền, móng mặt đường bê tông xi măng tại các cảng hàng không ở Việt Nam bằng công nghệ radar xuyên đất (Georadar)	TS. Nguyễn Trọng Hiệp	446/QĐ-ĐHGTVT, ngày 21/3/2022	24/03/2022	Khá	ThS. Nguyễn Văn Lập ThS. Phạm Quang Thông ThS. Trần Thị Thúy TS. Nguyễn Đình Thọ	
2	T2019-CT-012	Cấp Trường	Nghiên cứu một số chỉ tiêu của bê tông polymer đông cứng nhanh dùng trong sửa chữa mặt đường bê tông xi măng sân bay	TS. Nguyễn Trọng Hiệp	2559/QĐ-ĐHGTVT, ngày 16/12/2019	19/12/2019	Tốt	GS. TS. Phạm Huy Khang TS. Nguyễn Đình Thọ ThS. Phạm Duy Linh ThS. Trịnh Thị Hiếu ThS. Phạm Quang Thông ThS. Phan Việt Hùng	
3	T2018-CT-034	Cấp cơ sở	Nghiên cứu bước đầu ứng xử của Bê tông xi măng cát cốt sợi thép dưới tác dụng tải trọng lặp và ứng dụng trong xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật	TS. Hồ Anh Cường	667/ QĐ-ĐHGTVT, ngày 29/3/2019	04/4/2019	Đạt	ThS. Nguyễn Huy Hùng ThS. Nguyễn Lan Anh ThS. Phạm Vũ Hà	

4	Nafosted 107.02- 2018.305	Cấp Nhà nước	Ảnh hưởng của hàm lượng bột khoáng và cốt liệu đến ứng xử cơ học của hỗn hợp đá nhựa: thực nghiệm và mô phỏng	TS. Nguyễn Quang Tuấn				PGS.TS. Trần Bảo Việt TS. Hoàng Thị Thanh Nhân TS. Nguyễn Mai Lân
5	Số 2162/QĐ-ĐHGTVT, ngày 21/02/2020, T2021-CT-035	Cấp Cơ sở	Thực nghiệm xác định một số chỉ tiêu cơ lý của bê tông nhựa rỗng thoát nước	TS. Hoàng Thị Thanh Nhân	Số 2311/QĐ-ĐHGTVT, ngày 21/12/2021	28/12/2021	Xếp loại: Tốt, ngày 28/12/2021	TS. Nguyễn Quang Tuấn
6	T2023-CT-008	Cấp cơ sở	Nghiên cứu phương pháp chuyển đổi dữ liệu bản đồ trong quy hoạch xây dựng sang cơ sở dữ liệu trên nền tảng GIS phục vụ công tác chuyển đổi số	Th.s Lê Quang			Tốt, 25/12/2023	Lê Khánh Giang Trần Quang Học Vũ Ngọc Phương
7	T2022-CT-006	Cấp cơ sở	Nghiên cứu ứng dụng công nghệ trắc địa hiện đại đảm bảo độ chính xác kích thước ô đất dọc tuyến khi xây dựng tuyến đường	TS. Nguyễn Văn Chính			Tốt, 15/12/2023	Lê Khánh Giang Vũ Ngọc Phương
8	CT.2019.05.02	Cấp Bộ Giáo dục & Đào tạo	Nghiên cứu ứng dụng và phát triển hệ thống thông tin cho người tham gia giao thông.	TS. Trần Quang Học			Khá 5/2022	Lê Khánh Giang Lê Văn Hiến Hồ Thị Lan Hương Lê Minh Ngọc Nguyễn Văn Chính Vũ Văn Trường Phùng Đức Việt Trần Đức Công

9	T2019-CT-024	Cấp cơ sở	Nghiên cứu phân tích dữ liệu của thiết bị giám sát hành trình và GIS trong hệ thống giao thông thông minh.	Th.s. Lê Quang		Khá, 2/4/2020	Lê Khánh Giang Đỗ Văn Mạnh
10	T2019-CT-021	Cấp cơ sở	Nghiên cứu phân tích đánh giá các nguyên nhân gây tai nạn giao thông đường bộ bằng GIS tại Việt Nam.	TS. Trần Quang Học		Khá, 2/4/2020	Lê Khánh Giang Đỗ Văn Mạnh
11	T2017-CT-021	Cấp cơ sở	Nghiên cứu xây dựng mô hình quản lý cơ sở dữ liệu hạ tầng giao thông bằng công nghệ GIS.	TS. Trần Quang Học		Khá, 2/4/2018	Lê Khánh Giang Lê Quang

Mẫu 5: Các công trình khoa học công bố của giảng viên, nhà khoa học cơ hữu liên quan đến ngành đào tạo dự kiến mở của cơ sở đào tạo trong thời gian 5 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ mở ngành đào tạo (kèm theo bản liệt kê có bản sao trang bìa tạp chí, trang phụ lục, trang đầu và trang cuối của công trình công bố)

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
1	Nguyen Trong Hiep, Pham Quang Thong, Pham Huy Khang, Study on the Use of Construction and Demolition Waste for Road Base or Subbase Pavement Construction in Hanoi, Journal of Materials and Engineering Structures, 9 (2022) 467–475.	
2	Pham Huy Khang, Nguyen Trong Hiep, Bui Tien Thanh, Research on Using Dolomite Aggregate as Cement Treated Base for Highway Pavement Construction in Ninh Binh, Vietnam. Journal of Materials and Engineering Structures 9 (2022)	
3	Nguyen Trong Hiep, Pham Huy Khang, Experimental Study of Using Paper Production Industry Waste as Soil Stabilizer for Road Construction in Vietnam. Journal of Materials and Engineering Structures 9 (2022)	
4	Pham Huy Khang, Nguyen Trong Hiep, Experimental Research on Properties of Polymer Concrete Used for Repairing Portland Cement Concrete Pavement of Airport. Journal of Materials and Engineering Structures (2021)	
5	Thi Lan Phuong QUYEN, Kiyoshi KOBAYASHI, Nguyen Trong Hiep, Kakuya MATSUSHIMA, Developing a Monitoring and Evaluation System for Urban Planning-The Case of the Hanoi Master Plan. Urban and Regional Planning Review Vol.5, 2018 (2018)	
6	Nguyễn Trọng Hiệp, Bùi Xuân Cây, Phạm Quang Thông, Bê tông phế thải và khả năng sử dụng trong xây dựng mặt đường ô tô ở Việt Nam. Tạp chí Giao thông vận tải 09/2021 (2021)	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
7	Nguyễn Trọng Hiệp, Phạm Quang Thông, Phan Thị Khánh Hằng, Đoàn Viết Trung, Bùi Đức Thắng, Nguyễn Tiến Thành, Nghiên cứu một số tính chất cơ lý của bê tông sử dụng cốt liệu tái chế từ bê tông phế thải trong xây dựng mặt đường cứng. Tạp chí Giao thông Vận tải 10/2021 (2021)	
8	Bui Thi Mai Huong, Nguyen Trong Hiep, Making sidewalk block from plastic waste - Prospect in Vietnam. RECYCLED MATERIAL APPLICATION IN CIVIL WORKS (2020)	
9	Pham Huy Khang, Nguyen Trong Hiep, Research on causes, solutions and new materials technology for repairing portland cement concrete pavement of Noi Bai International Airport. The 3rd International Conference on Sustainability in Civil Engineering (2020)	
10	Nguyễn Đình Thọ, Nguyễn Trọng Hiệp, Lựa chọn vị trí thứ hai Lựa chọn vị trí cảng hàng không và những vấn đề lựa chọn cảng hàng không thứ 2 tại Hà Nội - Báo cáo 2. Lựa chọn vị trí thứ hai Lựa chọn vị trí cảng hàng không và những vấn đề lựa chọn cảng hàng không thứ 2 tại Hà Nội (2020)	
11	Pham Huy Khang, Nguyen Trong Hiep, Solutions for Tan Son Nhat International Airport Capacity Enhancement. International Conference on Sustainability in Civil Engineering 2018 (ICSCE 2018) (2018)	
12	PGS.TS Bùi Ngọc Toàn, Một số cải tiến phương pháp dự báo thời gian hoàn thành dự án dựa trên kỹ thuật giá trị thu được áp dụng tại Việt nam, 7/2018, Tạp chí GTVT	
13	PGS.TS Bùi Ngọc Toàn, Nghiên cứu đề xuất hệ số thanh toán khi thi công các lớp mặt đường bê tông nhựa nóng tại Việt Nam, 9/2018, Tạp chí GTVT	
14	PGS.TS Bùi Ngọc Toàn, Nghiên cứu đề xuất các tiêu chí đánh giá năng lực của kỹ sư giám sát thi công xây dựng công trình giao thông, 3/2019, Tạp chí GTVT	
15	PGS.TS Bùi Ngọc Toàn, Khó khăn và giải pháp tháo gỡ khi triển khai thông tư 12/2019/TT-BXD hướng dẫn xây dựng và quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu về định mức, giá xây dựng và chỉ số giá xây dựng, 9/2020, Tạp chí Cầu đường	
16	PGS.TS Bùi Ngọc Toàn, Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến tiến độ thi công xây dựng công trình kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn thành phố Hà Nội, 9/2020, Tạp chí GTVT	
17	PGS.TS Bùi Ngọc Toàn, Nhận diện các nhân tố ảnh hưởng khi ứng dụng BIM, 9/2022, Tạp chí Quy hoạch đô thị	
18	Bùi Ngọc Toàn, Nguyễn Thị Hậu, Nguyễn Quang Hiến, Hứa Đức Minh, Ninh Duy Tuấn, Một số giải pháp khắc phục ảnh hưởng đến tiến độ của điều kiện thi công công trình kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trong nội đô Hà Nội, 2021, Giao thông vận tải	
19	Hồ Anh Cường, HAC (2017), Giáo trình: Phát triển bền vững cơ sở hạ tầng đô thị, lần xuất bản thứ nhất, NXB GTVT	
20	HAC (2018), "National Logistic Policies in Vietnam: Issues and Challenges", International Conference of Trends of Global Logistics and Incheon - Focused on Infrastructure and Smart Technologies, Incheon, Korea,	
21	HAC (2018), "Viet nam Railway: Policies and safety", Project Seminar on Railway Safety of Vietnam, Korea Transport Institute, Seoul, Korea	
22	HAC (2019), "The role of railway system in Vietnam's logistic development: Challenges and Opportunities", Workshop of the KLS and Logistics Professionals in Vietnam: Logistics Industry and Infrastructure Development in Vietnam, Hanoi, Vietnam	
23	HAC (2019), Ảnh hưởng của cốt sợi thép phân tán tới một số đặc tính mỗi của dầm bê tông xi măng cát chịu uốn, Tạp chí Giao thông Vận tải, ISSN 2354-0818, 5/2019	
24	HAC (2020), "Ảnh hưởng của phụ gia khoáng tro bay đến cường độ của đá xi măng ở tuổi sớm ngày", Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Mỏ - Địa chất Tập 61, Kỳ 6 (2020) 10 - 18	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
25	HAC (2021), "Nghiên cứu đề xuất công nghệ cọc cát biển-xi măng-tro bay xử lý nền đất yếu phục vụ xây dựng vùng ven biển Đồng bằng sông Cửu Long", Tạp chí Xây dựng ISN 2734-9888, 10/2021, trang 126-132	
26	HAC (2021), "Nghiên cứu thiết kế thành phần cọc vật liệu hỗn hợp cát biển-xi măng-tro bay gia cố nền đất yếu phục vụ xây dựng công trình giao thông khu vực ven biển", Tạp chí Giao thông Vận tải, ISSN 2354-0818, 12/2021	
27	HAC (2021), "Hiện trạng và đề xuất một số giải pháp hoàn thiện công tác quản lý hệ thống hạ tầng kỹ thuật ngầm đô thị tại các đô thị Việt Nam-trường hợp thành phố Hà Nội", hội nghị KHCN lần thứ 23, ISBN 978-604-76-2626-7	
28	HAC (2022), "A predictive maintenance model for k -out-of- n :F continuously deteriorating systems subject to stochastic and economic dependencies", Reliability Engineering and System Safety, ISSN: 0951-8320 ISSN: 1879-0836 (online) URL: www.sciencedirect.com/sci ..., Số 226 (2022) 108671	
29	Nguyen Hoang Tung, Phạm Diem Hang., Examining influenced factors of the preparation phase on total construction time delay of Build - Operate - Transfer projects in Vietnam, 2019, Transport and Communications Science Journal 70(3) 201-213 (2019)	
30	Nguyen Hoang Tung, Identifying concession period for private investors in build-operate-transfer transport projects in Vietnam: a NPV-at-risk approach (in Vietnamese), 2019, Transport and Communications Science Journal, 69 (2019)	
31	Nguyen Hoang Tung, Nguyen Thị Hương., Socio-economic evaluation after the implementation of the program of 186 local bridge construction in the remote area of the North of Vietnam (in Vietnamese), 2019, Journal of Transportation 11, 2019	
32	Nguyen Hoang Tung, Nguyen Thị Hương., Dynamic model for multi-criteria evaluation of urban infrastructure projects: a case of Thai Nguyen province (in Vietnamese), 2020, Journal of Transportation 9, 107-110, 2020	
33	Nguyen Hoang Tung, Do Viet Hung, Hironori Kato, Phan Le Binh., Modeling ceiling price for build-operate-transfer road projects in developing countries, 2021, Economics of Transportation Volume 28, December 2021, 100235 (2021)	
34	Nguyen Hoang Tung, Aya Kojima, Hisashi Kubota., Transformation from intentions to habits in travel behavior: An awareness of a mediated form of intention., 2017, Transportation Research Part F: Traffic Psychology and Behaviour 49 226-235 (2017)	
35	Nguyen Hoang Tung, Đặng Minh Tân., Experiences in traffic organization, management and applied ITS in the world and a proposal to Hanoi City (in Vietnamese), 2017, Journal of Transportation 10, 116-119, 2017.	
36	Nguyen Hoang Tung, Hisashi Kubota., Application of attitude theory for identifying the effects of non-attendance attributes in stated choice surveys, 2018, Travel Behaviour and Society 12 64-71 (2018)	
37	Nguyen Hoang Tung, Cao Phuong Thao, Đặng Minh Tân, Nguyen Thi Mi Tra., Evaluating the actual operation of bus rapid transit Yen Nghia - Kim Ma: a user perspective (in Vietnamese)., 2018, Journal of Transportation 11, 2018	
38	Nguyen Hoang Tung, Hisashi Kubota., Clarifying multiple-mode decision making in conventional psychological models: A consideration of the influential mechanism of car use's characteristics on the behavioral use of public transportation., 2019, IATSS Research 43(2) 114-121 (2019)	
39	Nguyen Hoang Tung, Hoang Thuy Linh., Driving behavior in mixed traffic flow: A novel model for assessing bus movement considering the interaction with motorcyclists., 2020, IATSS Research 44(2) 125-131 (2020)	
40	Nguyen Hoang Tung, Hironori Kato, Tran The Huy, Phan Le Binh, Luu Duy., Impacts of the introduction of bus rapid transit on travel behaviors of commuters in Hanoi, Vietnam: A quasi-experimental approach., 2021, Case Studies on Transport Policy 9(1) 95-102 (2021)	
41	Nguyen Hoang Tung., Relevance Rule in Adding Up Non-Given Attributes in Travel Stated Choices: A Consideration Under Anchoring Perspective., 2022, International Journal of Intelligent Transportation Systems Research 20 560-571 (2022)	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
42	Nguyen Hoang Tung, Hoang Van Cuong, Hoang Thuy Linh, Shinichi Takeda, Phan Le Binh, Hironori Kato., Ride-Hailing Service Adoption and Local Context in Motorcycle-Based Societies: Case Study in Hanoi, Vietnam., 2022, Sustainability 14 (2) (2022)	
43	Nguyen Quang Tuan, Hoang Thi Thanh Nhan, Bui Van Phu, Nguyen Quang Phuc, Herve Di Benedetto, Effect of time–temperature, strain level and cyclic loading on the complex Poisson’s ratio of asphalt mixtures. Construction and Building Materials 294 (2021)	
44	Nguyen Quang Tuan, Hoang Thi Thanh Nhan, Experimental Measurement and Modeling of the Complex Poisson’s ratio of Bituminous Mixtures. Lecture Notes in Civil Engineering 54 (2019)	
45	Sauzeat C., Hoang Thi Thanh Nhan, Nguyen Quang Tuan, Chailleux E., Di Benedetto H., Nguyen M.L., Nonlinearity of bituminous materials for small amplitude cyclic loadings. Road materials and pavement design https://doi.org/10.1080/14680629.2018.1465452 (2018)	
46	Sauzeat C., Hoang Thi Thanh Nhan, Nguyen Quang Tuan, Nguyen M.L., Di Benedetto H., 3D complex modulus tests on bituminous mixture with sinusoidal loadings in tension and/or compression. Materials and Structures 50: 98 (2017)	
47	Hoàng Thị Thanh Nhân, Nguyễn Quang Tuấn Nghiên cứu thực nghiệm đặc tính cơ lý và mô phỏng khả năng thoát nước của bê tông nhựa rỗng. Tạp chí Khoa học Giao thông vận tải Số 9 1057-1068 (2021)	
48	Hoàng Thị Thanh Nhân, Nguyễn Quang Tuấn, ĐO ĐẠC VÀ PHẦN TÍCH CHỈ SỐ ĐỘ GỒ GHỀ QUỐC TẾ IRI CỦA MẶT ĐƯỜNG BẰNG ỨNG DỤNG CỦA ĐIỆN THOẠI THÔNG MINH. Tạp chí Khoa học GTVT Tập 70 số 4 (tháng 10/2019) (2019)	
49	Hoàng Thị Thanh Nhân, Nguyễn Quang Tuấn, NGHIÊN CỨU SỬ DỤNG CÔNG THỨC GIẢI TÍCH THAY THẾ CHO TOÁN ĐỒ KOGAN TRONG TÍNH TOÁN KẾT CẤU ÁO ĐƯỜNG MỀM THEO 22TCN 211-06. Tạp chí Khoa học Công nghệ xây dựng Tập 13 số 3V (2019)	
50	Hoàng Thị Thanh Nhân, Nguyễn Quang Tuấn, Sử dụng kết quả thí nghiệm đo mô đun động của bitum trong tính toán đàn nhớt kết cấu mặt đường. Tạp chí Cầu Đường Số 12 - 2017 (2017)	
51	Hoàng Thị Thanh Nhân, Bàn về khả năng thích ứng biến đổi khí hậu của các đô thị thông minh. Công trình xây dựng thông minh cho tương lai (2022)	
52	Bui Van Phu, Hoang Thi Thanh Nhan, Nguyen Quang Tuan, Complex modulus of asphalt mastic: experimental tests and comparison with viscoelastic properties of original bitumen. The 3rd International Conference on Sustainability in Civil Engineering (ICSCE 2020) (2020)	
53	Nguyen Quang Tuan, Bui Xuan Cay, La Van Cham, Tran Thi Kim Dang, Nguyen Quang Phuc, Hoang Thi Thanh Nhan, Mechanical Properties of Bitumen and Asphalt mixture Modified with Polymer Additives. RILEM International Symposium on Bituminous Materials (2020)	
54	Học, TQ; Lê, KG (2017), “Nghiên cứu phương pháp chuyển độ cao qua sông lớn bằng công nghệ GPS khi thành lập lưới độ cao trong xây dựng cầu”, Tạp chí Khoa học GTVT, 56, 26-30(25).	
55	Học, TQ; Lê, KG (2017), “Nghiên cứu ứng dụng hệ thống thông tin địa lý (GIS) trong công tác quản lý, thu gom rác thải đô thị”, Tạp chí GTVT, 5, 110-113.	
56	Le, KG; Liu, P, Lin, LT (2017), “Spatial structure of agricultural landscape in hue city period 1995-2014”, [in Proceedings of International Conference on Smart Management of Infrastructures, UTC, Hanoi, Vietnam].	
57	Le, KG; Dieu, DT; The, DT; Chou TY; Fang, YM; Van, HT (2017), “Research on applications of geographical information system (GIS) and remote sensing (RS) in conservation heritage landscape in the urbanization context”, [in Proceedings of International Conference on Smart Management of Infrastructures, UTC, Hanoi, Vietnam].	
58	Học, TQ; Quang, L; Giang, LK; Phượng, VN (2017) “Thiết kế mô hình quản lý cơ sở dữ liệu hạ tầng giao thông đường bộ trên một số tuyến đường chính tại Quận Đống Đa, TP. Hà Nội”, Tạp Chí Tài Nguyên và Môi Trường, 24 (278).	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
59	Le, KG; Liu, P, Lin, LT (2018), "A new approach for determining the road traffic accident hot spots using GIS-based temporal-spatial statistical analytic techniques. A case study in Hanoi city, Vietnam", [in Proceedings of International Conference on building smart cities in Vietnam: Vision & Solutions, UTC2, HCM City, Vietnam].	
60	Le, KG; Liu, P, Lin, LT (2018), "Designing model for managing and analyzing traffic accident data using Geographic Information System (GIS). A Case Study in Hanoi, Vietnam (in English)", The Transport Journal, Special Issue, 228-232.	
61	Le, KG; Liu, P, Lin, LT (2019), "Using Quantum Geographic Information System in Traffic Accident Hotspots Determination", [in Proceedings of The International Conference on Earth Observations & Natural Hazards (ICEO&NH 2019), Hanoi, Vietnam].	
62	Le, KG; Liu, P, Lin, LT (2019), "Determining the road traffic accident hotspots using GIS-based temporal-spatial statistical analytic techniques in Hanoi, Vietnam", Geo-Spatial Information Science, 23 (2), 153-164.	
63	Le, KG; Hoc, TQ (2021), "The Sustainable Development of Railway System in Vietnam by GIS-based Technologies", [in E3S Web of Conferences Annual International Scientific Conference "Spatial Data: Science, Research and Technology 2021].	
64	Le, KG (2021), "GIS APPLICATIONS FOR BETTER TRAFFIC MANAGEMENT", [in İSTANBUL INTERNATIONAL MODERN SCIENTIFIC RESEARCH CONGRESS -II December 23-25, 2021, Istanbul, Turkey]	
65	Le, KG (2022), "Multi-criteria analysis to select the optimal park location in a city applying GIS technology", [in 1st International congress of gerontology Sivas – Turkey].	
66	Le, KG (2022), "APPLICATION OF BIM AND GIS INTEGRATED MODEL IN TRANSPORTATION PROJECTS IN VIETNAM: CHALLENGES AND OPPORTUNITIES", [in INTERNATIONAL ANKARA CONGRESS ON SCIENTIFIC RESEARCH IV Ankara – TURKEY].	
67	Le, KG; Liu, P, Lin, LT (2022), "Traffic accident hotspot identification by integrating kernel density estimation and spatial autocorrelation analysis: a case study", International Journal of Crashworthiness, 27(2), 543-553.	
68	Hoc, TQ; Le, KG (2022), "Traffic data analysis by data mining algorithms", International Journal of Latest Engineering Research and Applications (IJLERA), 7(4), 01-07.	
69	Le, KG (2022), "TRANSPORTATION AND THE SPATIAL STRUCTURE", [in 3. INTERNATIONAL CAPPADOCIA SCIENTIFIC RESEARCHCONGRESS, Turkiye].	
70	Dinh Tuan Hai, Do Van Manh, Nguyen Minh Nhat, Genetic algorithm application for optimizing traffic signal timing reflecting vehicle emission intensity. Transport Problems 17 (2022)	
71	Tran Quang Hoc, Do Van Manh, Dinh Tuan Hai, Traffic signal timing optimization for isolated urban intersections considering environmental problems and non motorized vehicles by using constrained optimization solutions. Innovative Infrastructure Solutions 5 (2022)	
72	Do Van Manh, Liang- Tay Lin, Pei Liu, Dinh Tuan Hai, Multiple Objective Genetic Algorithms for Solving Traffic Signal Optimization Issue at a Complex Intersection: A Case Study in Taichung City, Taiwan. The Open Civil Engineering Journal 14 (2020)	
73	Trần Thị Thảo, Trần Quang Học, Đỗ Văn Mạnh, Khảo sát đánh giá và nâng cao độ chính xác công nghệ trạm CORS trong công tác quan trắc . (2022)	
74	Nguyễn Thùy Linh, Đỗ Văn Mạnh, Lê Quang, Mối tương quan giữa hành vi của người lái xe với mức độ tiết kiệm nhiên liệu nhằm bảo vệ môi trường. Tạp chí Tài nguyên và Môi trường Số 3 Kỳ 1 tháng 2 năm 2020 (2020)	
75	Đỗ Văn Mạnh, Đánh giá độ chính xác của phương pháp đo GPS - RTK và sự tương quan về chuyển vị của điểm quan trắc trong sơ đồ thử tải cầu Kiên. Tài nguyên và Môi trường 09(263) (2017)	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
76	Lê Minh Ngọc, Trần Đức Công, Đỗ Văn Mạnh, Nghiên cứu đánh giá độ chính xác công nghệ GPS đo động thời gian thực trong công tác bố trí tuyến đường. Giao thông Vận tải Tháng 12/2017 (2017)	
77	Do Van Manh, Integrating Laser Scanning Technology and Unmanned aerial vehicles in establishing a database for the preservation of ancient construction. The Forth Interational Conference on Sustainability In Civil Engineering 2022 (2022)	
78	Do Van Manh, Innovative Mission Brought by MaaS Services. APEC Conference on Exporing the New Age for Mobility Integration (2022)	
79	Tran Quang Hoc, Do Van Manh, ASSESSING THE ACCURACY OF LIDAR UAV TECHNOLOGY ALONG WITH THE LIDAR CAMERA IN ESTABLISHING THE TERRAIN MAP FOR CONSTRUCTION IN VIETNAM. The 4th International conference on sustainability in civil engineering (2022)	
80	Do Van Manh, Le Quang, Vu Ngoc Phuong, Integrating Terrestrial Laser Scanning Technology and Unmanned Aerial Vehicles in Establishing a Database for the Preservation of Ancient Constructions. The Forth Interational Conference on Sustainability In Civil Engineering 2022 (2022)	
81	Do Van Manh, Ho Thi Lan Huong, Evaluating the effectiveness of eco-driving courses based on car-GPS tracking data in the itinerary tracking device to reduce fuel consumption of vehicles in urban areas. E3S Web of Conferences (2021)	
82	Do Van Manh, Tran Duc Cong, Analysis of driver behavior based on GPS-monitored itinerary tracking data in itinerary monitoring equipment to reduce fuel consumption of vehicles in urban areas. A case study in Ha Noi Vietnam. The 38th Conference of ASEAN Federation of Engineering Organisations (CAFEO 38) (2020)	
83	Do Van Manh, Evaluating the effectiveness of eco-driving courses based on car-GPS tracking data in the itinerary tracking device to Reduce Fuel Consumption of Vehicles in Urban Areas. International Scientific Conference "Geodetic and Geoinformation Support of Cyber-Physical Systems in Transport" (2020)	
84	Vũ Phương Thảo, Nguyễn Lan Anh, NGHIÊN CỨU KHẢO SÁT PHÁT SINH CHẤT THẢI TẠI CÁC TRẠM DỪNG NGHỈ TRÊN MỘT SỐ TUYẾN CAO TỐC PHÍA BẮC VIỆT NAM. Cầu đường số 4-2022 (2022)	
85	Vũ Phương Thảo, Đánh giá hiệu quả xử lý nước thải trạm trộn bê tông xi măng bằng mô hình phòng thí nghiệm. Tạp chí Khoa học GTVT Tập 71 số 2 (tháng 2/2020) (2020)	
86	Vũ Phương Thảo, Phạm Vũ Hà, Nguyễn Thị Bình Minh, Nghiên cứu xác định liều lượng hóa chất tối ưu làm cơ sở thiết kế hệ thống xử lý nước thải trạm trộn bê tông xi măng. Tạp chí Khoa học GTVT 63 (2018)	
87	Hồ Anh Cương, Vũ Phương Thảo, Khả năng cải thiện đặc tính chống biến dạng vĩnh cửu của Bê tông nhựa sử dụng bitum PMB III và 40-50 khi gia cố cốt sợi. Tạp chí Cầu Đường ISSN 1859-459X 9 (2017)	
88	Vu Phuong Thao, RESEARCH FOR MODEL OF "GREEN REST AREA" ON SOME EXPRESSWAYS IN THE NORTH OF VIET NAM. INTERNATIONAL CONFERENCE HANOI, TOWARDS NET ZERO EMISSIONS: POLICY AND PRACTICE (2022)	
89	Vũ Phương Thảo Nguyễn Huy Hùng Phạm Vũ Hà Cơ sở hạ tầng xanh trong xây dựng và phát triển đô thị bền vững. Công trình xây dựng thông minh cho tương lai (2022)	
90	Vu Phuong Thao, Designing the paradigm that treats the wastewater of concrete batching plants. Lecture Notes in Civil Engineering (2021)	
91	Lưu Ngọc Lâm, Nguyễn Quang Phúc, Vũ Ngọc Phương, Nghiên cứu đánh giá khả năng kháng nứt của bê tông nhựa thông qua chỉ số kháng nứt Cracking Tolerance Index (CTindex). Tạp chí Giao thông vận tải tháng 10 năm 2021 (2021)	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
92	Nguyễn Lan Anh, Vũ Ngọc Phương, NGHIÊN CỨU SỬ DỤNG PHỤ GIA VỚI THUYẾT HÓA TRONG VIỆC CẢI THIỆN KHẢ NĂNG KHÁNG ẨM VÀ CHỐNG HẠN LÚN VẾT BÁNH XE CỦA HỖN HỢP BÊ TÔNG NHỰA SỬ DỤNG ĐÁ GRANITE KHU VỰC MIỀN TRUNG. Tạp chí Cầu Đường Việt Nam 3-2018 (2018)	
93	Vũ Ngọc Phương, Mr. Akihiro Kato, Phân tích một số kết quả hiện trường về hiệu quả của hai loại phụ gia tăng dính bám đá - nhựa đường Toughfix và Wetfix Be đối với hỗn hợp bê tông nhựa nóng sử dụng đá khu vực Suối Mơ - Đà Nẵng. Tạp chí Khoa học GTVT 58 (2017)	
94	Lưu Ngọc Lâm, Vũ Ngọc Phương, Nguyễn Ngọc Lâm, Nghiên cứu thực nghiệm xác định mô đun đàn hồi MR của cấp phối đá dăm và đất nền theo tiêu chuẩn AASHTO T307. Tuyển tập báo cáo Hội nghị khoa học - công nghệ 2022 (2022)	
95	Lưu Ngọc Lâm, Nguyễn Quang Phúc, Vũ Ngọc Phương, Nghiên cứu phương pháp thiết kế cân bằng hỗn hợp bê tông nhựa và một số kết quả nghiên cứu thực nghiệm. Tuyển tập báo cáo Hội nghị khoa học công nghệ năm 2021 (2021)	
96	Vũ Ngọc Phương, Phạm Văn Quyền, Nguyễn Tuấn Hiền, Nghiên cứu lựa chọn phương pháp thí nghiệm đánh giá độ nhạy ẩm của bê tông nhựa phù hợp với điều kiện Việt Nam. Tuyển tập báo cáo hội nghị khoa học công nghệ năm 2018 - Viện KH&CN GTVT (2018)	
97	Vũ Ngọc Phương, Nguyễn Văn Chương, Nguyễn Thanh Lập, Nghiên cứu đánh giá hiệu quả của một số loại phụ gia kháng bong tách đá nhựa cho bê tông nhựa sử dụng cốt liệu dính bám kém của khu vực Miền Trung. Tuyển tập báo cáo hội nghị khoa học công nghệ năm 2018 - Viện KH&CN GTVT (2018)	
98	Nguyễn Huy Hùng, Tính hệ số độ ổn định mái dốc cho trường hợp trượt nông xét đến tác động ảnh hưởng của nước ngầm. Tạp chí Cầu đường Việt Nam Số 4-2022 (2022)	
99	Nguyễn Huy Hùng, Một số chỉ tiêu đánh giá hiệu quả khai thác của các giải pháp bảo vệ mái dốc đường ô tô. Cầu đường VN 9-2022 (2022)	
100	Nguyễn Huy Hùng, Một số giải pháp tăng mức độ hấp dẫn hành khách cho đoạn tuyến đường sắt Nhỏ - Đại học GTVT khi đưa vào vận hành khai thác. Tạp chí Cầu đường Số 5-2021 (2021)	
101	Nguyễn Huy Hùng, Một số tác động của nước ngầm đến ổn định mái dốc đường ô tô. Tạp chí Cầu đường 1+2/2020(2020)	
102	Nguyễn Huy Hùng, Nguyễn Anh Tuấn, Nghiên cứu tác động ảnh hưởng của mưa đến sự biến đổi dung trọng tự nhiên và các chỉ tiêu sức chống cắt của đất tại một số vị trí mái dốc trên tuyến QL6. Tạp chí Cầu đường 3/2018 (2018)	
103	Phạm Vũ Hà, Một hướng phát triển Hạ tầng đáp ứng cho việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo vào quản lý, giám sát an ninh trật tự và giao thông. Quy hoạch Xây dựng Số 107 + 108 (2021)	
104	Phạm Vũ Hà, Một hướng phát triển hạ tầng phục vụ cho việc ứng dụng AI vào quản lý an ninh và giám sát giao thông đô thị. Hội nghị Thường niên năm 2020 và Hội thảo khoa học nghiên cứu ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong quản lý và điều hành giao thông (2020)	
105	Đang Thi Thuy Dung, Le Kim Nhung, Nguyen Hoang Tung, Identifying key factors that affect an increase in investment costs of urban rail projects in Vietnam (in Vietnamese)., 2021, Journal of Transportation 3, 57-61, 2021	
106	Vu Quang Huy, Nguyen Hoang Tung, Identifying the construction demand after the implementation of LRAMP program in the North of Vietnam: A case of Cao Bang Province (in Vietnamese)., 2021, Journal of Transportation, 2021	
107	Vu Quang Huy, Nguyen Hoang Tung, A vision-based excavator productivity analysis in Vietnam. , 2021, Transport and Communications Science Journal Vol. 72, Issue 4 (2021)	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
108	Nguyen Minh Nhat, Nguyen Hoang Tung, Failure of PPP mechanism: A cross-country analysis of these unique issues associated with the road sector in Southeast Asian markets., 2022, Journal of Transnational Management Volume 27, Issue 3-4 (2022)	
109	Nguyen Thi Huong, Nguyen Hoang Tung, Tran Thi Thom., A study on influencing factors of toll rates in Build Operate Transfer Projects in Vietnam: An user perspective (in Vietnamese). , 2022, Journal of Transportation 6, 2022	
110	Le Kim Nhung, Nguyen Hoang Tung, Đang Thi Thuy Dung, Le Khanh Chi., Exploring the association between risk management in the project preparation phase and the actual implementation of urban rail projects in Vietnam: A case of Metro No.1 Ho Chi Minh city (in Vietnamese)., 2022, Journal of Transportation, 2022	
111	Nguyen Duc Nghiem, Nguyen Hoang Tung, Aya Kojima, Hisashi Kubota., Effect of surface roughness on cyclists' handlebar controllability: an insight into bicycling safety., 2017, Advances in transportation studies 43 75-92 (2017)	
112	Mursheda Rahman, Nguyen Hoang Tung, Aya Kojima Hisashi Kubota., Identification of external factors affecting the effectiveness of speed humps., 2017, Journal of the Eastern Asia Society for Transportation Studies 12 2016-2034 (2017)	
113	Nguyen Duc Nghiem, Nguyen Hoang Tung, Aya Kojima, Hisashi Kubota., Validating Motive of Bike Lane Usage: An Observation of Actual Behavior., 2017, Journal of the Eastern Asia Society for Transportation Studies 12 889-903 (2017)	
114	Nguyen Duc Nghiem, Nguyen Hoang Tung, Aya Kojima, Hisashi Kubota., Modeling cyclists' facility choice and its application in bike lane usage forecasting., 2018, IATSS Research 42(2) 86-95 (2018)	
115	Hoang Thuy Linh, Nguyen Thi Hong Hanh, Phan Thi Thu Hien, Nguyen Hoang Tung., Accessibility to public transport from the perspective of the aged people in developing countries: a case study in Hanoi, Vietnam , 2022, Transport and Communications Science Journal, 73 (4), 2022.	
116	Hoang Thuy Linh, Nguyen Hoang Tung, Vu Anh Tuan, Muhammad Adnan, Tom Belleman., Heterogeneity in behavioural response to pricing policies in the transition from motorcycles to private cars in motorcycle-based societies., 2022, Transportation Planning and Technology 45 (4) 311-334 (2022)	
117	Hoang Thuy Linh, Nguyen Hoang Tung, Vu Anh Tuan, Muhammad Adnan, Tom Bellemans, Bruno Kochan., Modeling and Structuring of Activity Scheduling Choices with Consideration of Intrazonal Tours: A Case Study of Motorcycle-Based Cities., 2022, Sustainability 14(10) (2022)	
118	Vu Minh Hang, Pham Nguyen Quynh Huong, Constraints in implementing PublicPrivate Partnerships (PPPs) in Vietnam: Private sector's perspective, 2022, The 4th International Conference on Sustainability in Civil Engineering	
119	Vũ Minh Hằng, Nguyễn Thị Hương, Integrating augmented reality (AR) technology in building information modeling: trends and challenges (in Vietnamese), 2022, Conference on Digital transformation in the Transportation sector	
120	Vũ Minh Hằng, Guomin Zhang, Malindu Sandanayake, Liuyiyi Yang, Perspectives on criteria for selection of Public-financed schemes of Public-Private Partnerships infrastructure projects, 2019, The 24th International Symposium on Advancement of Construction Management and Real Estate, Chongqing, China, November 29 - December 2 2019.	
121	Vu, H., Zhang, G., & Sandanayake, M. & Yang, L. , Selection criteria for implementation of Public-Private Partnerships in Infrastructure Projects – A Case of Vietnam. , 2018, The Vietnam Symposium on Leadership and Public Policy: Policy Innovation and Leadership in the Digital Age	
122	Cao Phuong Thao, Nguyen Thi Hau, Construction Projects Risk Prediction Using Artificial Intelligence Model, 2022, JOURNAL OF INFORMATICS AND INNOVATIVE TECHNOLOGIES	
123	Cao Phuong Thao, Nguyen Thi Hau, COMPUTER VISION FOR SELFDRIVING VEHICLES, 2018, Journal of Science, & Engineering Education	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
124	Nguyễn Thị Hậu, Bùi Ngọc Toàn, Cao Phương Thảo, Đánh giá mô hình thời gian - chi phí của Bromilow áp dụng đối với các dự án xây dựng công trình giao thông đường bộ sử dụng vốn nhà nước tại Việt Nam, 2020, Tạp chí Cầu Đường Việt Nam	
125	Nguyễn Thị Hậu, NGHIÊN CỨU ẢNH HƯỞNG CỦA KÉO DÀI TIẾN ĐỘ THI CÔNG ĐẾN CHI PHÍ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH ÁP DỤNG ĐỐI VỚI HỢP ĐỒNG ĐƠN GIÁ ĐIỀU CHỈNH, 2019, Tạp chí Cầu Đường Việt Nam	
126	Nguyễn Thị Hậu, Bùi Ngọc Toàn, Cao Phương Thảo, Một số cải tiến phương pháp dự báo thời gian hoàn thành dự án dựa trên kỹ thuật giá trị thu được áp dụng tại Việt Nam, 2018, Giao thông vận tải	
127	Cao Phuong Thao, Dang Thi Thuy Dung, Nguyen Thi Hau, Nghiên cứu ảnh hưởng của đại dịch covid-19 đến đầu tư xây dựng đường sắt đô thị tại Hà nội, 2021, Quản trị rủi ro và phát triển đô thị bền vững	
128	Nguyễn Thị Hậu, NHỮNG KHÓ KHĂN KHI TRIỂN KHAI THÔNG TƯ 12/2019/TTBXD HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU VỀ ĐỊNH MỨC, GIÁ XÂY DỰNG VÀ CHỈ SỐ GIÁ XÂY DỰNG, 2020,	
129	Cao Phương Thảo, Nguyễn , HANOI BUS ANALYSIS USING COMPLEX NETWORK THEORY, 2020, Nghiên cứu ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong quản lý và điều hành giao thông	
130	Nguyễn Thị Hậu, The model of the influence of the project implementation progress on the road transport work construction investment costs in Vietnam, 2020, Nghiên cứu ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong quản lý và điều hành giao thông	
131	Nguyễn Thị Hậu, Mô hình nghiên cứu ảnh hưởng của tiến độ thi công đến chi phí xây dựng công trình, 2018, Báo cáo khoa học - Công nghệ lần thứ XXI	
132	Cao Phuong Thao, Nguyen Thanh Toan, Nguyen Duc Du, Bui Ngoc Dung, Nguyen Thi Hau, Tran Vu Hieu, Building Smart City using The Internet of Things in Developing Countries, 2017, Smart Management of Infrastructures	
133	H.T. Linh, M. Adnan, W. Ectors, B. Kochan, T. Bellemans, V.A. Tuan, Exploring the Spatial Transferability of FEATHERS – An Activity Based Travel Demand Model – For Ho Chi Minh City, Vietnam, Procedia Computer Science. 151 (2019) 226–233. https://doi.org/10.1016/j.procs.2019.04.033 .	
134	H.T. Linh, M. Adnan, W. Ectors, B. Kochan, T. Bellemans, V.A. Tuan, Exploring the Transferability of FEATHERS – An Activity Based Travel Demand Model – For Ho Chi Minh City, Vietnam. Journal of Traffic and Transportation Management. 01 (2019). https://doi.org/10.5383/JTTM.01.02.001 .	
135	Phan Thị Hiền, Tổng quan về cơ cấu tổ chức của các ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tại Việt Nam, 2020, Người xây dựng	
136	Phan Thị Hiền, Lý luận chung về bộ máy quản lý của Ban QLDA chuyên ngành GTVT cấp tỉnh tại Việt Nam, 2020, Kinh tế xây dựng	
137	Nguyễn Thị Hương, Nguyễn Thị Hậu, Cao Phương Thảo, Quản lý rủi ro trong các dự án công nghệ thông tin. Quản lý xây dựng và công nghệ 4.0 (2023)	
138	Nguyễn Thị Hậu, Cao Phương Thảo, Nguyễn Thị Hương, Xác định chi phí tăng lên khi áp dụng BIM trong các dự án xây dựng. Quản lý xây dựng và công nghệ 4.0 (2023)	
139	Cao Phuong Thao, Nguyen Tuan Thanh, Assessment of Traffic Safety Between Pedestrians and Vehicles Using Traffic Conflict Technique. Lecture Notes in Civil Engineering (2023)	
140	Cao Phuong Thao, Nguyen Thi Hau, Le Thu Huyen, Impact Factors of The Investment Cost: Case Study of Vietnam Road Projects. EASTS2023 (2023)	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
141	Cao Phuong Thao, Nguyen Tuan Thanh Assessment of Traffic Safety Between Pedestrians and Vehicles using Traffic conflict technique. The 4th International Conference on Sustainability in Civil Engineering (2022)	
142	Cao Phương Thảo, Lê Kim Nhung, ỨNG DỤNG MẠNG NEURAL NHÂN TẠO TRONG DỰ BÁO CHẠM TIẾN ĐỘ CỦA DỰ ÁN XÂY DỰNG. HỘI THẢO: CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG THÔNG MINH CHO TƯƠNG LAI (2022)	
143	Cao Phuong Thao, Dang Thi Thuy Dung, Nguyen Thi Hau, Nghiên cứu ảnh hưởng của đại dịch covid-19 đến đầu tư xây dựng đường sắt đô thị tại Hà nội. Quản trị rủi ro và phát triển đô thị bền vững (2021)	
144	Cao Phương Thảo, CONSTRUCTION AUDITING RISK DETECTION USING MACHINE LEARNING APPROACHES. Hội nghị KHCN lần thứ XXII (2020)	
145	Cao Phương Thảo, Nguyễn Thị Hậu, HANOI BUS ANALYSIS USING COMPLEX NETWORK THEORY. Nghiên cứu ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong quản lý và điều hành giao thông (2020)	
146	Cao Phuong Thao, Nguyen Tuan Thanh, Vuong Xuan Can, ANALYSIS TRAFFIC CONFLICT TECHNIQUE FOR TRAFFIC SAFETY EVALUATION AT INTERSECTION. Applications of Artificial Intelligence in Transportation (2020)	
147	Cao Phương Thảo, Prediction of risk schedule delay in construction projects using artificial model. Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương 623 (2022)	
148	Nguyễn Thị Hồng Hoa, Cao Phương Thảo, Lê Nhật Tùng, Ứng dụng kỹ thuật xử lý ảnh và học máy, phát hiện và định vị vết nứt mặt đường. Tạp chí Giao thông vận tải 12 (2019)	
149	Nguyễn Tuấn Thành, Cao Phương Thảo, Nghiên cứu ứng dụng trí tuệ nhân tạo nhận diện và đánh giá an toàn giao thông giữa người đi bộ và phương tiện. Tạp chí Cầu đường 11 (2022)	
150	Cao Phuong Thao, Nguyen Thi Hau, Construction Projects Risk Prediction Using Artificial Intelligence Model. JOURNAL OF INFORMATICS AND INNOVATIVE TECHNOLOGIES 3 (2022)	
151	Cao Phuong Thao, Nguyen Thi Hau, Nguyen Hoang Tung, Construction Auditing Risk Detection Using Neural Network. Scienc, Engineering and Education 4 (2019)	
152	Đặng Thị Thùy Dung. Một số yếu tố khách quan ảnh hưởng đến hiệu quả dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội cho công nhân - trường hợp nghiên cứu điển hình tại Hà Nam. 223. Quản lý xây dựng và công nghệ 4.0 (lần thứ nhất)	
153	Đặng Thị Thùy Dung, Lê Kim Nhung. Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến chi phí đầu tư xây dựng đường sắt đô thị trên địa bàn Hà Nội. Tạp chí Giao thông vận tải	
154	Đặng Thị Thùy Dung, Lê Kim Nhung ,Nguyễn Hoàng Tùng. Xác định các nguyên nhân ảnh hưởng lớn đến phát sinh chi phí đầu tư xây dựng đường sắt đô thị tại Việt Nam: Trường hợp nghiên cứu điển hình tại dự án đường sắt đô thị tuyến số 3 đoạn Nhổn - Ga Hà Nội. 2021. Tạp chí Giao thông vận tải	
155	Đặng Thị Thùy Dung, Nguyễn Văn Hiệp ,Nguyễn Hoàng Tùng. Nghiên cứu xác định các nguyên nhân tác động đến quyết định tham gia thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội của chủ đầu tư . 2023. Tạp chí Xây dựng	
156	Nguyễn Quang Hiến, Lê Mạnh Đức, Bùi Ngọc Toàn. Nghiên cứu đề xuất các tiêu chí đánh giá năng lực của kỹ sư giám sát thi công xây dựng công trình giao thông. 2019. Tạp chí Giao thông vận tải	
157	Lê Kim Nhung Nguyễn Hoàng Tùng Đặng Thị Thùy Dung Lê Khánh Chi Khám phá mối liên hệ giữa công tác quản lý rủi ro giai đoạn chuẩn bị dự án và thực tế triển khai thực hiện dự án đường sắt đô thị tại Việt Nam: Trường hợp nghiên cứu tuyến metro số 1 Thành phố Hồ Chí Minh. Giao thông (2022)	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
158	Lê Kim Nhung, Đặng Thị Thùy Dung, Mục tiêu cần hướng đến để tiếp tục theo đuổi hình thức đầu tư đối tác công tư (PPP) trong phát triển hạ tầng giao thông đường bộ ở Việt Nam. Cầu đường Việt Nam	
159	Lê Kim Nhung, Lê Khánh Chi. Nghiên cứu tác động của xác định các rủi ro về pháp lý và rủi ro kinh tế - xã hội với giảm thiểu rủi ro trong các dự án xây dựng hạ tầng giao thông. 2021. Tạp Chí Giao thông vận tải	

Ghi chú: Công trình khoa học được liệt kê theo quy tắc sau:

- Họ tên tác giả, chữ cái viết tắt tên tác giả (Năm xuất bản), *tên sách*, lần xuất bản, nhà xuất bản, nơi xuất bản.
- Họ và chữ cái viết tắt tên tác giả (Năm xuất bản), '*Tên bài viết*', *tên tập san*, số, ki/thời gian phát hành, số trang.
- Tác giả (Năm xuất bản), *tên tài liệu*, đơn vị bảo trợ thông tin, ngày truy cập.
- Họ tác giả, chữ viết tắt tên tác giả (Năm xuất bản), 'Tiêu đề bài viết', *[trong] tên kỷ yếu*, địa điểm và thời gian tổ chức, nhà xuất bản, nơi xuất bản, số trang.

3. Về cơ sở vật chất, trang thiết bị, thư viện phục vụ cho thực hiện chương trình đào tạo

Mẫu 6: Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thực hiện chương trình đào tạo thuộc ngành đào tạo dự kiến mở trình độ đại học/thạc sĩ/tiến sĩ của cơ sở đào

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Học phần/	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu					
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	1		Học phần cơ bản	Học lý 1-2-3	
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	5		Học phần cơ sở ngành	Học kỳ 4-5	
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	37		Học phần chuyên ngành	Học kỳ 7	

1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	52		Học phần chuyên ngành	Học kỳ 7-8-9-10	
1.5	Số phòng học đa phương tiện	180		Tất cả các học phần	Tất cả các học phần	
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên toàn thời gian	100				
2	Thư viện, trung tâm học liệu	2				
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	68				

Mẫu 7: Thư viện

TT	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Vẽ Kỹ Thuật	Hồ Sỹ Cửu, Phạm Thị Hạnh	NXB GTVT.					
2	Hình học họa hình	Nguyễn Sỹ Hạnh, Bùi Vĩnh Phúc, Trương Sỹ Hoà NXB Giao thông vận tải	NXB GTVT.					
3	Cơ học lý thuyết. Tập 1: Tĩnh học vật rắn và động học	Chu Tạo Đoan.	NXB GTVT.					
4	Cơ học lý thuyết. Tập 2: Động lực học	Chu Tạo Đoan.	NXB GTVT.					
6	Trắc địa đại cương	PGS.TS Phạm Văn Chuyên.	NXB GTVT.					
7	Địa chất công trình	Nguyễn Sỹ Ngọc và Trần Văn Dương						
8	Cơ học đất	Bùi Anh Định	NXB GTVT.					

9	Thủy lực cơ sở	Phùng Văn Khương, Trần Đình Nghiên, Phạm Văn Vĩnh	NXB Xây dựng					
10	Giáo trình Cơ học kết cấu	Lê Văn Quý	Đại Học GTVT					
11	Thủy văn công trình	Trần Đình Nghiên, Nguyễn Đình Vĩnh, Phạm Văn Vĩnh.	NXB GTVT.					
12	Bài giảng Kết cấu bê tông cốt thép	Bộ môn kết cấu	Đại học giao thông vận tải					
13	Nền móng	Bùi Anh Định	Trường ĐH GTVT					
14	Vật liệu xây dựng	GS.TS Phạm Duy Hữu	NXB GTVT.					
18	Môi trường và phát triển bền vững	Nguyễn Đình Hòa	NXB Giáo dục					
19	Bài giảng Kiến trúc cảnh quan công trình giao thông	Bộ môn CT GTCC - MT						
20	Bài giảng Cơ sở hạ tầng giao thông vận tải	Bộ môn Công trình GTCC & MT	ĐH GTVT					
21	Kết cấu BTCT - phần cấu kiện cơ bản	Trường ĐH Kiến Trúc Hà Nội	NXB KHKT,					
22	Thiết kế kết cấu thép nhà công nghiệp	GS Đoàn Định Kiến	NXB KHKT,					
23	Thiết kế công Trình ngầm.	An Young Son	NXB GD. Hà Nội,					
24	Cơ sở thiết kế công trình ngầm.	Lê Xuân Thương, Đinh Xuân Bảng, Nguyễn Tiến Cường, Phí Văn Lịch.	NXB KHKT. Hà nội, 1981					
25	Bài giảng Kỹ thuật Chiếu sáng Đô thị	Bộ môn GTCC và MT – Đại học GTVT						
26	Thiết kế đường ô tô hiện đại	PGS. Nguyễn Quang Toàn						
29	Đánh giá chất lượng Khai thác Đường bộ	GS. TS. Dương Học Hải,	Đại học Xây dựng, 2006					
30	Khai thác đường phố và đường đô thị	Dịch: Dương Học Hải – Nguyễn Hào Hoa	NXB GTVT, 1986					

31	Thoát nước đô thị	Trần Văn Mô	NXB Xây dựng, 2002				
32	Cấp thoát nước	Hoàng Huệ					
33	Kỹ thuật an toàn và bảo hộ lao động	Hoàng Xuân Nguyên	NXB GD				
36	Quy hoạch mạng lưới giao thông đô thị	TS. Vũ Thị Vinh	Nhà xuất bản xây dựng				
37	Thiết kế đường ô tô hiện đại	PGS. TS Nguyễn Quang Toàn					
38	Quy hoạch xây dựng phát triển đô thị	GS.TS. Nguyễn Thế Bá	Nhà xuất bản xây dựng				
39	Kỹ thuật thi công	Đặng Xuân Trường					
40	Các nguyên lý quản lý dự án	Bùi Ngọc Toàn	ĐH Giao Thông Vận Tải, 2008	150		Lý thuyết quản lý dự án	
41	Cơ chế quản lý xây dựng	Nghiêm Văn Đình	ĐH Giao Thông Vận Tải, 2005	200		Quản lý Nhà nước về xây dựng 1	
42	Lập và phân tích dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông	Bùi Ngọc Toàn	ĐH Giao Thông Vận Tải, 2008	200		Lập và phân tích dự án đầu tư xây dựng	
43	Lập giá trong xây dựng	Bùi Ngọc Toàn chb, Nguyễn Thị Hậu, Phan Thị Hiền (...và những người khác)	ĐH Giao Thông Vận Tải, 2012	200		Dự toán và thẩm định giá trong xây dựng 1	
44	Quản lý dự án xây dựng - Khảo sát, thiết kế, đấu thầu và các thủ tục trước xây dựng	Bùi Ngọc Toàn	NXB Xây dựng, 2012	200		Quản lý hợp đồng và mối quan hệ các bên	

45	Supply chain management	Werner, Hartmut	Springer Fachmedien Wiesbaden, 2013	200		Quản lý vận hành và dịch vụ công trình hạ tầng đô thị 1		
46	Tổ chức quản lý thực hiện dự án xây dựng	Bùi Ngọc Toàn	ĐH Giao Thông Vận Tải, 2012	200		Tổ chức quản lý thực hiện dự án xây dựng		
47	Quản lý dự án xây dựng - giai đoạn thi công xây dựng công trình	Bùi Ngọc Toàn	ĐH Giao Thông Vận Tải, 2013	200				
48	Hướng dẫn sử dụng Microsoft Project 2002 trong lập và quản lý dự án	Ngô Minh Đức	Xây Dựng, 2002	150				
49	Hỏi đáp khi sử dụng Microsoft project trong lập và quản lý dự án	Bùi Mạnh Hùng	Xây Dựng, 2004	150				
50	Asset management for infrastructure systems.	Balzer, Gerd, and Christian Schorn	Springer International, 2016	100		Quản lý phát triển đô thị và tài sản		
51	Xác suất- thống kê và hướng dẫn thực hành thống kê trên Excel	Nguyễn Văn Phấn... [và những người khác]	Xây Dựng, 2003	200		Thống kê và xử lý dữ liệu		
52	Địa chất công trình	Nguyễn Sỹ Ngọc	ĐH Giao Thông Vận Tải, 2006	200		Địa chất công trình ứng dụng		
53	Cơ học kết cấu	Trần Quang Vinh	ĐH Giao Thông Vận Tải, 2009	200		Cơ học kết cấu		
54	Máy xây dựng	Nguyễn Thị Tâm,	ĐH Giao thông vận tải, 2002	200		Máy xây dựng		
55	Vật liệu xây dựng	Phạm Duy Hữu	ĐH Giao Thông Vận Tải, 2006	200		Vật liệu xây dựng		
56	Kết cấu bê tông cốt thép	Đào Bá Thục	ĐH Giao Thông Vận Tải, 1995	200		Kết cấu bê tông		

57	Thiết kế đường ô tô tập 1	Đỗ Bá Chương	Giáo dục, 2004	200		Cơ sở thiết kế nền mặt đường ô tô		
58	Xây dựng nền đường ô tô	Nguyễn Quang Chiêu, Dương Học Hải, Nguyễn Khải	ĐH Giao thông vận tải, 1996	200		Cơ sở thi công nền mặt đường ô tô		
59	Xây dựng mặt đường ô tô	Nguyễn Quang Chiêu, Phạm Huy Khang	ĐH Giao thông vận tải, 20023	200		Cơ sở thi công nền mặt đường ô tô		
60	Tổ chức thi công đường ô tô	Nguyễn Quang Chiêu, Dương Học Hải	ĐH Giao thông vận tải, 2000	200		Cơ sở thi công nền mặt đường ô tô		
61	Công trình đường sắt tập I	Lê Hải Hà: chủ biên, Bùi Thị Trí, Nguyễn Thanh Tùng	ĐH Giao thông vận tải, 2009	200		Cơ sở thiết kế đường sắt		
62	Kỹ thuật thi công	Đỗ Đình Đức: chủ biên; Lê Kiều	ĐH Giao thông vận tải, 2004	200		Công nghệ xây dựng cơ bản		
63	Thi công cầu- T.1: Các công tác xây dựng và công nghệ thi công, các công trình phụ trợ, thi công móng - móng trụ cầu	Chu Viết Bình chủ biên, Nguyễn Mạnh, Nguyễn Văn Nhậm	Khoa học và Kỹ thuật, 2007	200		Công nghệ thi công Cầu và Hầm		
64	Thi công cầu T2	Chu Viết Bình chủ biên, Nguyễn Mạnh, Nguyễn Văn Nhậm	Khoa học và Kỹ thuật, 2009	200		Công nghệ thi công Cầu và Hầm		
65	Thiết kế công trình hầm giao thông	Nguyễn Thế Phùng chủ biên, Nguyễn Quốc Hùng,	Xây Dựng, 1998	200		Cơ sở công trình cầu và hầm		

Mẫu 8: Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập theo yêu cầu của ngành đào tạo dự kiến mở

Số TT	Tên phòng TN, xưởng, trạm trại, cơ sở thực hành	Diện tích (m2)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ thí nghiệm, thực hành		
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ môn học/học phần
1	PTN hóa học	200	Các hóa chất cơ bản		Hóa học
			Máy đo pH	1	
			Cân phân tích	1	
			Thiết bị Autolab	1	Điện hóa ăn mòn vật liệu và bảo vệ kim loại
2	PTN Vật lí cơ nhiệt	100	Bộ biến thế nguồn	1	Vật lí
			Đồng hồ đo điện đa năng để bàn	1	
3	Trung tâm khoa học công nghệ giao thông vận tải	700	Máy siêu âm bê tông	1	Thí nghiệm công trình
			Máy điện tử dò cốt thép trong bê tông	1	
			Máy đo biến dạng TDS- 302	1	
			Máy đo biến dạng SDK 830	1	
			Máy đo dao động kết cấu VH 5123/6	1	
			Thiết bị đo võng kết cấu	8	
			Súng bột nẩy	2	
			Các loại đồng hồ thiên phân kế đo biến dạng	20	
			Các loại đồng hồ bách phân kế đo chuyển vị	20	
			Cần Benkenmal	2	
			Tấm ép cứng	1	
			Cối chày Proctor	10	
			Máy CBR	1	
Máy nén tấm liền (đo E trong phòng)	1				
4	Trung tâm Đào tạo thực hành và chuyển giao công nghệ GTVT	1000	Máy tiện T630-10KW	1	Môn tiện
			Máy tiện C620-4KW	3	

		Máy tiện T616-3,8KW	2	
		Máy hoan đứng 3,8KW	1	Để gia công phục vụ các môn cần dùng
		Máy mài 2 đá	1	
		Máy bào TQ	1	Môn phay bào- doa
		Máy bào VN	1	
		Máy hàn hồ quang 9KVA	1	Môn Hàn
		Máy hàn hồ quang Tiến Đạt 18KVA	1	
		Máy phay vạn năng	1	Môn phay bào- doa
		Máy đột dập 63T	1	Để gia công phục vụ các môn học
		Ê tô các loại	50	Môn nguội
		Bàn nguội	9	
		Động cơ 7,5KW gắn máy đột dập 63T	1	Để gia công
		Máy trộn bê tông 165 lít	1	Môn kết cấu
		Máy búa hơi Mai Động	1	Để gia công phục vụ môn học
		Máy cắt PlasmaZip 2.0	1	
		Máy tiện - CW6280B	1	Môn tiện
		Máy doa - model 600	1	Môn phay bào- doa
		Máy đánh bóng VH - 50	1	
		Máy phay lăn răng Y3-150	1	
		Máy khoan côn Z3725	1	Để gia công phục vụ các môn cần dùng đến
		Máy khoan bàn động cơ 3 pha	3	
		Tool-Grinding Machine DS 150	1	
		Máy hàn bán tự động MI6-350A	1	Môn hàn
		Máy nén khí	1	
		Lò rèn	2	
		Tời	1	

			Cần trục	1	Môn kích kéo, thi công lắp ráp cầu
			Kích thủy lực	2	Môn kích kéo
5	PTN Thủy lực- Thủy văn	100	2 bộ máy thí nghiệm Reynolds; chảy tầng, rối; tổn thất năng lượng, phương trình Bernoulli	2	Thủy lực cơ sở
			Thí nghiệm đo độ nhớt	1	
			Máng kính hỗ trợ các thí nghiệm: dòng chảy đều, dòng chảy không đều thay đổi dần, dòng chảy qua các công trình tràn, nước nhảy nối tiếp và tiêu năng ở hạ lưu công trình	1	Thủy lực công trình
6	PTN Địa Kỹ Thuật	200	Máy cắt phẳng	7	Địa chất công trình, Cơ học đất, Nền móng
			Máy nén	6	
			Máy ba trục	1	
			CBR	1	
			Các loại dụng cụ phục vụ TN CHĐ (Tủ sấy, bếp điện, bình tỉ trọng,...)		
			Bộ mẫu đá TC		
			Bộ đầm TC	2	
			Bộ lấy mẫu hiện trường	1	
Cắt cánh trong phòng	1				
7	Trung tâm ứng dụng CNTT	300	Máy tính để bàn Dell Optiplex 3020 MT: CPU: Intel Core i3-4130 Processor Dual Core Chipset: Intel® H81 Express Chipset Memory: 4GB (1x4GB) DDR3 1600MHz SDRAM Hard Disk: 500GB 7200 RPM 3.5" SATA Hard Drive Monitor: 21,5" Wide Screen Dell	150	Tin học đại cương

			<p>Máy tính để bàn Acer: CPU: Intel Core i3-2120 3.3GHz Processor Dual Core Chipset: Intel® H61 Express Chipset Memory: 4GB (1x4GB) DDR3 1600MHz SDRAM Hard Disk: 500GB 7200 RPM 3.5" SATA Hard Drive Monitor: 22,5" Wide Screen Dell</p>	150	
8	PTN Vật liệu xây dựng	100	Thiết bị thử độ nén mẫu BT (B1.1) - EL - 36-416	1	Phục vụ sinh viên thực hành các bài thí nghiệm môn học TN VL và CT XD
			Máy nén BT 150T	2	
			Máy trộn cường bức 180l	1	
			Máy trộn vữa	2	
			Bàn rung bê tông	3	
			Thiết bị hoàn thiện bề mặt mẫu thử bê tông	1	
			Tủ sấy 53L Memnet	2	
			Súng bắn bê tông (gồm cả dụng cụ hiệu chỉnh súng)	3	
			Khuôn đúc mẫu BT (TCVN và ASTM)	1	
			Thiết bị đo hàm lượng không khí bê tông	1	
			Nhớt kế VEBE, và côn đo độ sụt HH bê tông	1	
			Dụng cụ Vica đo thời gian ninh kết của hồ xi măng	1	
			Giá thử cường độ kéo bừa của mẫu bê tông, giá đo mô đun đàn hồi bê tông	1	
			Thiết bị đo độ mở rộng vết nứt	1	
			Hệ thống máy đo biến dạng tĩnh và động nhiều kênh (TML - DRA30A), và các loại đầu đo	1	
Các đầu đo phụ thêm (đồng hồ đo chuyển vị, đo ứng suất)	1				
Máy kéo vụn năng SHT 4306-W	1				
9	Trắc địa	80	Bộ máy GPS R70	4	Trắc địa công trình

			Máy toàn đạc điện tử Leica TCR 703	1	
			Máy toàn đạc điện tử Nikon DTM 552	1	
			Máy kinh vĩ điện tử Nikon NE 100	1	
			Máy kinh vĩ điện tử Leica T107	2	
			Máy kinh vĩ điện tử (Glunz EDT-2)	4	
			Máy kinh vĩ điện tử (Glunz EDT-5)	5	
			Máy kinh vĩ điện tử Topcon DT-209	4	
			Máy thủy bình Leica NA 720	2	
			Máy thủy bình Leica - Jogger	1	
			Máy thủy bình Topcon AT-G4	1	
			Máy thủy bình Sokkia – C32	1	
			Máy thủy bình Topcon AT-B4	2	
			Máy thủy bình Nikon AZ-2S	3	
			Máy thủy bình Ni004	5	
10	TT Ngoại ngữ	100	Đài catsette	5	Tiếng Anh, tiếng Pháp
			Máy chiếu	4	
			Hệ thống tai nghe	40	
11	PTN Sức bền vật liệu	100	Máy kéo nén vạn năng 500KN HFM	1	Sức bền vật liệu F1, F2
			Máy thí nghiệm kéo 1-2-5	1	
			Máy kéo nén vạn năng DI-Y 10	1	
			Máy kéo nén vạn năng GMC-50	1	
			Máy đo dao động Tactograph	2	
			Máy đo biến dạng động SDA-830 (8 kênh)	1	
			Phần mềm đo và phân tích tự động SDA 79	1	
			Đầu đo chuyển vị động	3	
			Đầu đo gia tốc 1 phương, 3 phương	3	

		Máy thí nghiệm xoắn MN 30	2
		Máy thí nghiệm Môi PWC -6	1
		Máy thí nghiệm va chạm JB -36	1
		Máy thí nghiệm lò xo	1
		Ten xô mét đòn đo biến dạng	12
		Bộ thiết bị TN đo độ võng góc quay của dầm bị uốn	1
		Bộ thiết bị TN đo ứng suất của dầm uốn thuần túy	1
		Bộ thiết bị TN đo mô đun đàn hồi trượt G	1
		Bộ thí nghiệm xác định tâm uốn	1
		Bộ thí nghiệm xác định dao động của dầm	1
		Bộ thiết bị TN xác định ổn định của thanh bị nén	1
		Bộ giá TN uốn dầm với tải trọng tối đa 12 Tấn	1
		Máy thí nghiệm Quang đàn hồi	1